

(VI) Hướng dẫn dành cho nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe

Giới thiệu	2
Cảnh báo.....	3
Thận trọng.....	3
Sơ đồ Freedom60	4
Hướng dẫn sử dụng	5
Khắc phục sự cố	9
Chăm sóc, bảo dưỡng và thải bỏ	10
Bảng tốc độ truyền dịch.....	13
Cutaquig® (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Dung dịch 16,5%)	14
Cuvitru® (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Dung dịch 20%)	15
Hizentra® (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Chất lỏng 20%).....	16
Ống tiêm nạp sẵn Hizentra® 50 ml (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Chất lỏng 20%).....	17
Xembify® (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Chất lỏng 20%)	18

GIỚI THIỆU

Hệ thống truyền dịch Freedom60 bao gồm các thành phần sau* được sản xuất bởi KORU Medical Systems, Inc. (KORU):

- **Bơm truyền dịch Freedom60®** (được gọi là “Freedom60” hoặc “bơm”)
- **Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60®** (được gọi là “đầu nối”)
- **Dây truyền dịch Precision™** (được gọi là “dây truyền Precision” hoặc “dây truyền”)
- **Bộ kim High-Flo™ SubQ** (được gọi là “bộ kim High-Flo” hoặc “bộ kim”)
- **Bộ điều khiển tốc độ truyền dịch Precision™** (được gọi là “bộ điều khiển truyền dịch”)

**Tình trạng sẵn có của sản phẩm và tình trạng pháp lý có thể thay đổi theo khu vực địa lý. Liên hệ với nhà phân phối địa phương của quý vị để biết thêm thông tin về các sản phẩm có sẵn trong khu vực của quý vị.*

Xem **trang 4** để biết sơ đồ hệ thống hoàn chỉnh và biết thêm chi tiết. Tài liệu hướng dẫn này có hướng dẫn truyền dịch và thông tin kỹ thuật dành cho các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe để chọn bộ dây truyền Precision và kim High-Flo phù hợp nhất cho từng bệnh nhân và sản phẩm thuốc.

⚠ THẬN TRỌNG: Bệnh nhân và người chăm sóc của họ phải được nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe đủ trình độ của họ đào tạo trước khi tự quản lý. Bệnh nhân nên liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của họ nếu có tất cả các câu hỏi liên quan đến việc điều trị của họ.

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Hệ thống truyền dịch Freedom60® được thiết kế để tiêm dưới da các sản phẩm thuốc được kê đơn vào cơ thể nhằm mục đích điều trị.

CHỈ ĐỊNH SỬ DỤNG

Hệ thống truyền dịch Freedom60® được chỉ định cho người lớn, thanh thiếu niên và trẻ em được kê đơn liệu pháp truyền dịch bằng globulin miễn dịch được tiêm dưới da theo tốc độ và thể tích truyền dịch trên mỗi vị trí truyền dịch được chỉ định trong nhãn sản phẩm thuốc được phê duyệt.

Hệ thống truyền dịch Freedom60 được chỉ định để sử dụng với các loại ống tiêm sau:

- Becton Dickinson & Co. BD® Plastipak™ Luer-Lok® 50 ml
- Ống tiêm Medline 60 ml (Số hiệu sản phẩm: SYR160010)
- Ống tiêm nạp sẵn Hizentra® 50 ml dùng một lần (Số hiệu sản phẩm: 44206-0455-25)

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Chống chỉ định sử dụng Hệ thống truyền dịch Freedom60® đối với việc cung cấp máu, insulin và các sản phẩm thuốc đòi hỏi độ chính xác của việc cung cấp cao hơn (tức là các sản phẩm thuốc quan trọng hoặc duy trì sự sống).

LỢI ÍCH LÂM SÀNG

Hệ thống truyền dịch Freedom cho phép bệnh nhân tự truyền dưới da một sản phẩm thuốc được kê đơn bất kể cài đặt. Nó mang lại sự tiện lợi, thúc đẩy sự độc lập và cho phép bệnh nhân di chuyển. Hệ thống truyền dịch Freedom làm giảm sự xuất hiện của các phản ứng tại chỗ thông thường như sưng, tấy đỏ hoặc đau nhức bằng cách áp lực liên tục lên pít tông ống tiêm cung cấp sản phẩm thuốc. Dưới áp suất không đổi, tốc độ truyền dịch chậm lại khi gặp phải lực cản tăng lên (áp lực ngược) tại vị trí truyền.

ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI DÙNG

Hệ thống truyền dịch Freedom60® được thiết kế để sử dụng cho bệnh nhân người lớn, thanh thiếu niên và trẻ em đủ điều kiện tự sử dụng các sản phẩm thuốc được kê đơn của họ. Hệ thống truyền dịch cũng được thiết kế để sử dụng bởi người chăm sóc và nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe quản lý các sản phẩm thuốc được kê đơn cho bệnh nhân. Nó có thể được sử dụng trong môi trường tại nhà hoặc lâm sàng. Bệnh nhân và người chăm sóc phải được một nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe có trình độ đào tạo trước khi sử dụng thiết bị.



THÔNG TIN AN TOÀN MRI

Hệ thống truyền dịch Freedom60 không an toàn với MR. Không sử dụng Hệ thống truyền dịch Freedom60 trong hoặc xung quanh máy MRI.

CẢNH BÁO

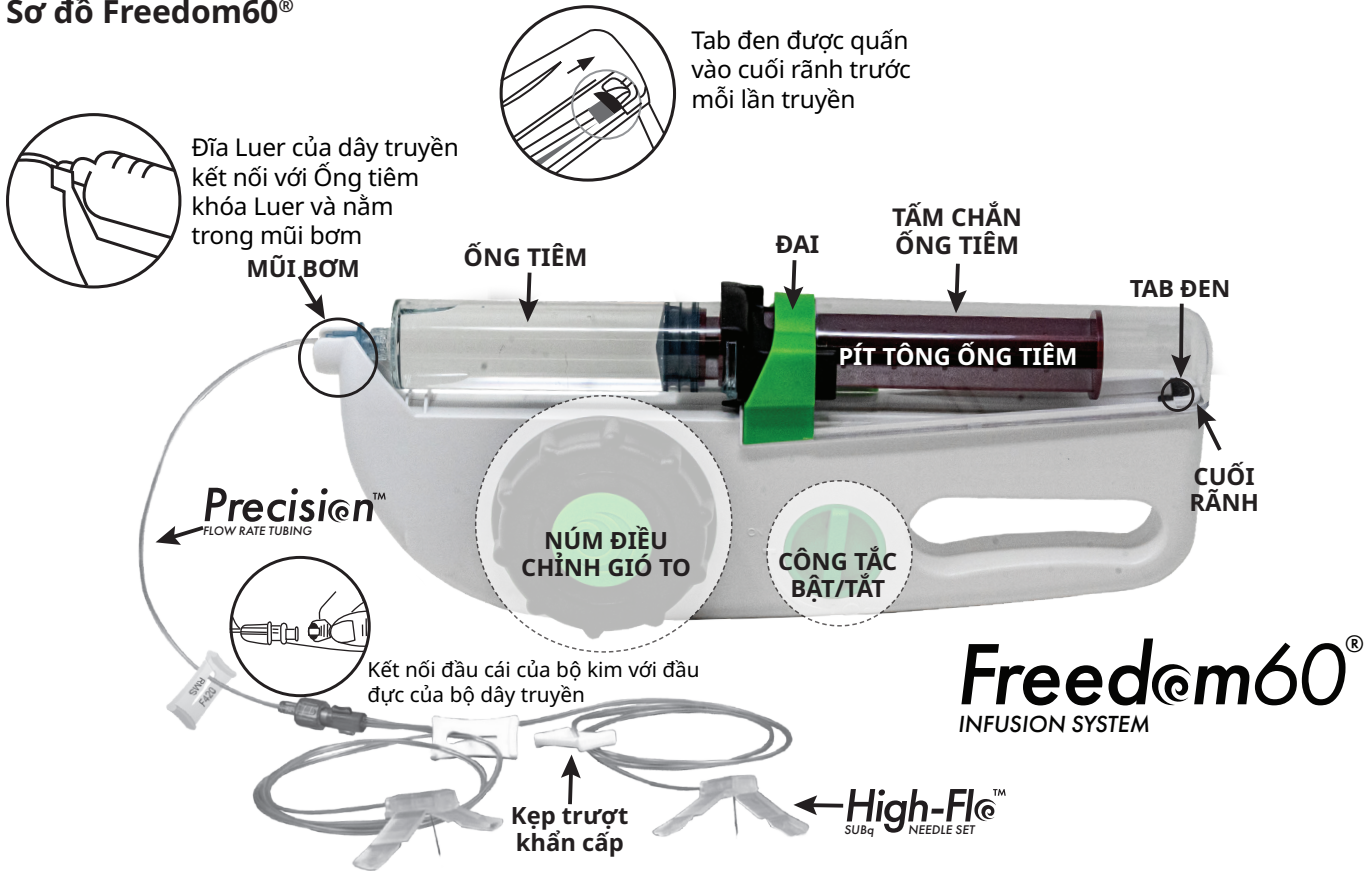
- Dung nạp của bệnh nhân có thể thay đổi. Các tác dụng phụ tiềm ẩn có thể bao gồm các phản ứng tại chỗ như sưng, tấy đỏ hoặc đau nhức. Nếu quý vị bị đau hoặc khó chịu, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị. Tham khảo thông tin kê đơn sản phẩm thuốc để biết các phản ứng và tác dụng phụ tiềm ẩn của sản phẩm thuốc (ví dụ: dị cảm, đau đầu, sốt, chóng mặt, buồn nôn, yếu, lơ mơ, v.v.).
- Tốc độ truyền dịch có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như nhiệt độ, tình trạng của bệnh nhân, chênh lệch chiều cao giữa hệ thống và vị trí truyền dịch và các thay đổi về độ nhớt của sản phẩm thuốc. Tham khảo các thông số kỹ thuật của thiết bị để biết thông tin về hiệu suất của thiết bị.
- Không kết nối bộ kim High-Flo trực tiếp với ống tiêm. Kết nối bộ kim trực tiếp mà không có dây truyền/đĩa luer có thể khiến ống tiêm đẩy ra khỏi Bơm truyền dịch Freedom60 và có thể gây hư hỏng bên trong bơm.
- Không tiết trùng lại hoặc tái sử dụng dây truyền Precision hoặc bộ kim High-Flo. Việc sử dụng lại thiết bị dùng một lần có thể dẫn đến nhiễm trùng hoặc trục trặc thiết bị.
- Tab đen đẩy pít tông ống tiêm hoạt động dưới lực lớn. Không đặt ngón tay lên tab đen hoặc bên trong tấm chắn ống tiêm bất cứ lúc nào. Không cố can thiệp vào chuyển động của tab đen bất cứ lúc nào.
- Không cố gắng tháo ống tiêm hoặc ngắt kết nối bộ dây truyền mà không trước tiên xoay bơm đến vị trí TẮT và quán hoàn toàn núm lớn theo chiều kim đồng hồ cho đến khi tab đen đã về đến cuối rãnh.
- Bơm truyền dịch Freedom60 không có báo động. Sẽ không có báo động nếu xảy ra gián đoạn dòng chảy. Không có màn hình hiển thị trạng thái truyền.
- Nếu Freedom60 bị ngập trong bất kỳ chất lỏng nào, hãy ngừng sử dụng và gọi cho nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị để thay thế.
- Không tiết trùng bơm truyền. Luôn làm theo hướng dẫn vệ sinh và khử trùng ở trang 10.
- Hệ thống truyền dịch Freedom60 không an toàn với MR. Không sử dụng Hệ thống truyền dịch Freedom60 trong hoặc xung quanh máy MRI.
- Tốc độ truyền dịch và độ chính xác của tốc độ truyền dịch do Freedom60 cung cấp chỉ được xác minh cho các sản phẩm thuốc cụ thể và tổ hợp bộ truyền dịch được liệt kê trong các bảng tốc độ truyền dịch bắt đầu từ Trang 12. Không sử dụng Hệ thống truyền dịch Freedom60 để truyền các sản phẩm thuốc khác. Việc sử dụng các sản phẩm thuốc khác có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch không rõ hoặc không chính xác và có thể dẫn đến tổn hại cho bệnh nhân.
- Không sử dụng Hệ thống truyền dịch Freedom60 để truyền máu hoặc với sản phẩm thuốc khi truyền chậm hoặc truyền không đủ có thể dẫn đến thương tổn nghiêm trọng.
- Hệ thống truyền dịch Freedom60 không chứa bộ lọc hạt. Không sử dụng Hệ thống truyền dịch Freedom60 với các sản phẩm thuốc cần sử dụng bộ lọc hạt.
- Khả năng dung nạp của bệnh nhân có thể thay đổi. Bệnh nhân cảm thấy khó chịu có thể cần điều chỉnh tốc độ truyền dịch. Tham khảo thông số kỹ thuật của thiết bị để biết thông tin về cách chọn phụ kiện truyền thích hợp. Luôn tham khảo thông tin kê đơn sản phẩm thuốc để biết tốc độ truyền dịch được chỉ định.

THẬN TRỌNG

- Hệ thống truyền dịch Freedom60 chỉ sử dụng theo đơn. Chỉ sử dụng Hệ thống truyền dịch Freedom60 cho bệnh nhân được kê đơn thiết bị và chỉ cho mục đích sử dụng đã được chỉ định. Đảm bảo rằng bệnh nhân và/hoặc người chăm sóc được đào tạo bởi chuyên gia y tế có trình độ trước khi sử dụng.
- Chỉ sử dụng các thành phần của Hệ thống truyền dịch Freedom do KORU Medical Systems, Inc. sản xuất. Việc sử dụng các sản phẩm khác có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch không xác định.
- Chỉ sử dụng các ống tiêm tương thích với Bơm truyền dịch Freedom60. Sử dụng một ống tiêm khác có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch không xác định.
- Trước khi sử dụng, kiểm tra cẩn thận bao bì bộ dây truyền Precision và kim High-Flo. Không sử dụng bộ này nếu gói hàng được mở.
- Kiểm tra dây truyền và bộ kim xem có hư hỏng không. Nếu bị hư hỏng, không sử dụng thay thế và liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị.
- Chỉ nên sử dụng kẹp trượt có trên bộ dây truyền Precision và kim High-Flo để dừng truyền dịch ngay lập tức trong trường hợp khẩn cấp. Sử dụng kẹp trượt có thể gây hư hỏng ống và có thể ảnh hưởng đến tốc độ truyền dịch dự kiến.
- Kiểm tra cẩn thận Bơm truyền dịch Freedom60 trước khi sử dụng. Ngừng sử dụng bơm đã bị hư hỏng, tiếp xúc với tác động nghiêm trọng hoặc không hoạt động bình thường. Kiểm tra dụng cụ xem có dấu hiệu mòn (bao gồm vết nứt, gãy xương, ăn mòn, đổi màu, rỉ hoặc hàn kín bị nứt) và ngừng sử dụng nếu dụng cụ bị hỏng không chấp nhận được.
- Tránh đặt kim High-Flo lên nốt ruồi, hình xăm, sẹo, cơ hoặc các khu vực cứng hoặc bầm tím, nơi có thể khó đặt kim thích hợp.
- Không cố mở vỏ bộ điều khiển ống tiêm hoặc tháo tấm chắn ống tiêm. Không hoạt động nếu tấm chắn ống tiêm đã bị tháo ra.
- Chỉ thực hiện truyền dịch khi đứng yên hoặc đi bộ. Truyền dịch khi thực hiện chuyển động khác với đi bộ có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch thay đổi nhanh hơn, chậm hơn hoặc nhiều hơn so với quy định. Thử nghiệm đã được thực hiện để mô phỏng việc đi bộ và ảnh hưởng của nó đến tốc độ truyền dịch; Hệ thống truyền dịch Freedom60 chưa được thử nghiệm với bất kỳ hoạt động thể chất nào khác.

- Để đạt được độ chính xác tối đa của bơm, đặt chiều cao của bơm trong khoảng $\pm 7,6$ cm (3") tính từ vị trí truyền dịch, cho dù là truyền ở vị trí cố định hay chuyển động. Nếu bơm cao hơn vị trí truyền dịch, tốc độ truyền dịch có thể tăng lên. Nếu bơm được đặt ở vị trí thấp hơn vị trí truyền dịch, tốc độ truyền dịch có thể giảm.
- Nhiệt độ môi trường xung quanh có thể ảnh hưởng đến tốc độ truyền dịch. Để có kết quả chính xác nhất, nên truyền ở nhiệt độ 20-25°C (68-77°F). Áp suất và độ ẩm môi trường dự kiến không ảnh hưởng đáng kể đến tốc độ truyền dịch.
- Thời hạn sử dụng của thiết bị (trước lần sử dụng đầu tiên) đã được xác minh là hai (2) năm sau ngày sản xuất khi được bảo quản ở 15-30°C (59-86°F) ở độ ẩm 45-55%. Bảo quản ngoài các điều kiện này hoặc sử dụng thiết bị sau hai (2) năm lão hóa, có thể dẫn đến giảm hiệu suất hoặc mất chức năng của thiết bị. Tham khảo nhãn thiết bị để biết ngày sản xuất thiết bị.
- Hệ thống truyền dịch Freedom60 đã được xác minh là chịu được điều kiện vận chuyển của nhiệt độ (-29-60°C) $\pm 2^\circ\text{C}$ và độ ẩm (15%-85%) $\pm 5\%$ mà không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của hệ thống. Việc vận chuyển thiết bị ngoài những điều kiện này có thể làm hỏng thiết bị hoặc dẫn đến hiệu suất tốc độ truyền dịch không xác định.

Sơ đồ Freedom60®



*Becton Dickinson & Co.

Ống tiêm tương thích

- **BD®* Plastipak™ Luer-Lok® 50 ml**
Số hiệu mặt hàng EU: 300865 | Số hiệu mặt hàng Hoa Kỳ: 309653
- **Ống tiêm khóa Luer Medline® 60 ml**
Số hiệu mặt hàng Hoa Kỳ: SYR160010
- **Ống tiêm nạp sẵn Hizentra® 50 ml dùng một lần**
Số hiệu mặt hàng Hoa Kỳ: 44206-0455-25

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Bài kiểm tra được thực hiện trong môi trường phòng thí nghiệm có kiểm soát ở nhiệt độ 20-25°C (68-77°F) và áp suất khí quyển là 1,01 bar ($\pm 0,09$). Độ chính xác của tốc độ truyền dịch hệ thống ($\pm 15\%$) đã được xác minh bằng dung dịch có đối chứng (Chất thay thế PEG 7,4 cP) trong khoảng 20-25°C (68-77°F).

Nhiệt độ môi trường và nhiệt độ sản phẩm thuốc sẽ ảnh hưởng đáng kể đến tốc độ truyền dịch. Để có độ chính xác tối đa, thực hiện truyền ở nhiệt độ 20-25°C. Độ ẩm môi trường và áp suất môi trường dự kiến không ảnh hưởng đến tốc độ truyền dịch.

Để đạt được độ chính xác tối đa của bơm, đặt chiều cao của bơm trong khoảng $\pm 7,6$ cm (3") tính từ vị trí truyền dịch, cho dù là truyền ở vị trí cố định hay chuyển động. Bảng sau đây cho biết sự thay đổi tiềm ẩn về tốc độ truyền dịch ở các độ cao khác nhau.

Chiều cao thẳng đứng (inch)	% Biến thiên so với tốc độ truyền dịch đích
±7,62 cm (3 inch) từ vị trí truyền	Tương đương với mức
±15,24 cm (6 inch) từ vị trí truyền	tối đa ±1,2% so với tốc độ truyền dịch mục tiêu
±30,48 cm (12 inch) từ vị trí truyền	tối đa ±2,4% so với tốc độ truyền dịch mục tiêu
±60,96 cm (24 inch) từ vị trí truyền	tối đa ±4,8% so với tốc độ truyền dịch mục tiêu

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Trước khi quý vị bắt đầu:

1. Lấy vật tư của quý vị và vệ sinh bằng cách vệ sinh bề mặt làm việc truyền dịch bằng khăn lau khử trùng hoặc dung dịch khử trùng. Rửa tay thật kỹ và, nếu được yêu cầu, đeo găng tay dùng một lần. Sau đó bố trí vật tư của quý vị.
2. Đảm bảo rằng công tắc BẬT/TẮT của bơm truyền dịch ở vị trí TẮT và rằng tab đen trong tấm chắn ống tiêm ở cuối rãnh. Nếu tab đen không chạm vào cuối rãnh, hãy xoay hoàn toàn núm điều chỉnh gió to theo chiều kim đồng hồ.
3. BẬT bơm và quan sát xem tab đen di chuyển trơn tru dọc theo toàn bộ chiều dài của rãnh. Sau khi hoàn tất, hãy chắc chắn xoay núm điều chỉnh gió to theo chiều kim đồng hồ để tab đen ở cuối rãnh và quý vị đã sẵn sàng truyền.
4. Kiểm tra thiết bị để đảm bảo tất cả các thành phần đều nguyên vẹn và không bị nứt, hư hỏng, ăn mòn hoặc đổi màu. Kiểm tra bên trong tấm chắn ống tiêm và đảm bảo không có mảnh vụn hoặc nhiễm bẩn.
5. Xác minh rằng quý vị đang sử dụng đúng bộ dây truyền Precision và kim High-Flo do nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe kê đơn. Kiểm tra bao bì của dây truyền và bộ kim. Kiểm tra xem túi có còn nguyên vẹn không (không có vết rách, rách hoặc lỗ) và được bịt kín hoàn toàn dọc theo tất cả các cạnh của túi. Nếu bao bì bị hư hỏng, không sử dụng. Thay thế và liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị.
6. Đảm bảo sản phẩm thuốc ở nhiệt độ phòng (20-25°C hoặc 68-77°F).

Trước khi tự truyền dưới da, bệnh nhân và/hoặc người chăm sóc phải được đào tạo bởi một nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe có trình độ.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị nếu bơm của quý vị bị hỏng, nếu bao bì của dây truyền Precision và/hoặc bộ kim High-Flo bị hỏng hoặc nếu quý vị thấy bất kỳ mảnh vụn hoặc nhiễm bẩn nào bên trong bơm.

Nếu sử dụng Ống tiêm nạp sẵn Hizentra 50 ml:

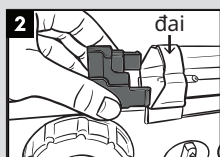


Không sử dụng ống tiêm BD 50 ml hoặc Medline 60 ml với Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60.

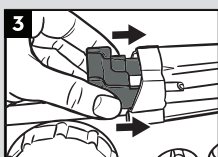
Hướng dẫn lắp đặt Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60



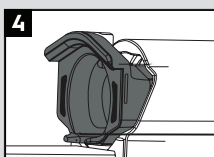
Đảm bảo đầu nối ở đúng hướng, có lỗ ở dưới cùng.



Căn chỉnh đầu nối thẳng hàng với đai của Bơm truyền dịch Freedom.

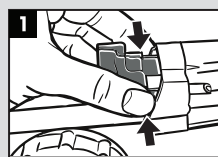


Nhẹ nhàng bóp các bên của đầu nối và bắt đầu đẩy nó vào đai.

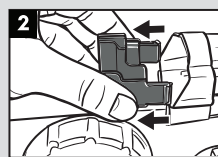


Tiếp tục đẩy đầu nối vào đai cho đến khi khớp vào vị trí.

Hướng dẫn tháo Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60



Kẹp hai tab giữ vào trong bằng cách tạo áp lực lên chúng.

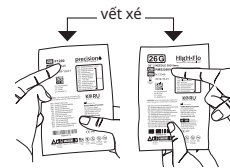


Trong khi kẹp các tab, kéo đầu nối ra khỏi đai, ngược lại hướng nó được lắp vào.

Phần I – Chuẩn bị hệ thống

1. Chuẩn bị dây truyền Precision và bộ kim High-Flo

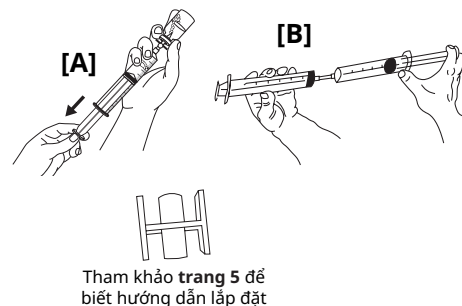
Mở bao bì vô trùng bằng cách xé dọc theo vết rách trên đầu bao bì. Kiểm tra bộ kim và dây truyền xem có hư hỏng không. Kiểm tra bộ kim xem có bị cong hoặc dây truyền có bị hư hỏng không. Nếu bị hư hỏng, hãy thay thế và liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị.



2. Chuẩn bị (các) ống tiêm

Tham khảo thông tin sơ bộ sản phẩm thuốc hoặc hỏi nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị để biết hướng dẫn làm đầy chi tiết.

- **Chuyển thuốc từ lọ vào ống tiêm [A]:** đổ liều cần thiết vào (các) ống tiêm tương thích, như được liệt kê trên **trang 2**
- **Chuyển thuốc từ ống tiêm nạp sẵn sang ống tiêm[B]:** đổ liều cần thiết vào (các) ống tiêm tương thích, như được liệt kê trên **trang 4**
- Ống tiêm nạp sẵn **Hizentra® 50 ml**: lắp trực tiếp vào bơm với Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60, không cần chuyển thuốc sang. Tham khảo Hướng dẫn lắp đặt Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60 ở **trang 5**.



3. Gắn dây truyền & bộ kim

Tháo nắp vô trùng khỏi các đầu của bộ dây truyền Precision và bộ kim cẩn thận không làm nhiễm bẩn các đầu. Kết nối đầu cái của bộ kim với đầu đực của bộ dây truyền [A]. Tháo nắp khỏi đầu cái của dây truyền, mà không chạm vào đầu, và gắn đầu cái bằng đĩa luer vào ống tiêm [B].



4. Mồi (làm đầy) dây truyền Precision

Tham khảo thông tin kê đơn sản phẩm thuốc để biết các khuyến nghị về mồi. Các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nên tư vấn cho bệnh nhân về việc có cần mồi hay không cho đơn thuốc của họ.

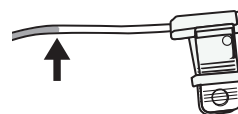
LƯU Ý:

- *Nên gắn bộ kim khô, có nghĩa là không có sản phẩm thuốc nào có trên (các) đầu kim, để giảm thiểu kích ứng tại vị trí truyền dịch.*
- *Để nhìn rõ nhất sản phẩm thuốc trong dây truyền trong quá trình mồi, nên mồi dây truyền trên bề mặt tối, một màu trong khu vực sáng.*

Có hai tùy chọn mồi: bằng tay hoặc bằng bơm. Xem hướng dẫn từng bước bên dưới:

Mồi bằng tay:

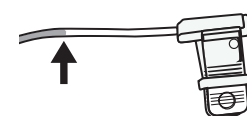
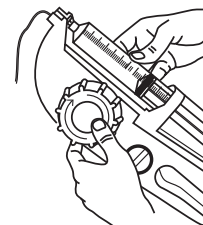
- Đặt dây truyền và kim lên bề mặt làm việc.
- Đẩy pít tông ống tiêm và làm theo sản phẩm thuốc khi nó chảy qua ống.
- Khi chất lỏng đạt đến điểm mong muốn, nhả áp lực từ pít tông để dừng dòng chảy.
- Tập trung vào một kim duy nhất và cố gắng dừng dòng chảy khi chất lỏng đến gần kim. Cẩn thận không mồi vào đầu kim.



Mồi bằng bơm

Đảm bảo bơm ở vị trí TẮT và tab đen bên trong tấm chắn ống tiêm trong suốt ở cuối rãnh. Nếu tab đen không ở cuối rãnh, xoay núm điều chỉnh gió to theo chiều kim đồng hồ. *Quý vị không cần dùng lực đáng kể để lắp hoặc tháo ống tiêm. Nếu quý vị gặp sự cố, hãy dừng bơm và đảm bảo rằng tab đen ở cuối rãnh trước khi tháo ống tiêm.*

- Nếu sử dụng ống tiêm nạp sẵn Hizentra 50 ml, hãy đảm bảo Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60 được lắp đặt trước khi nạp ống tiêm vào bơm theo hướng dẫn bên dưới (**xem trang 5 để biết hướng dẫn**). Nếu không sử dụng ống tiêm nạp sẵn Hizentra 50 ml, vui lòng đảm bảo tháo Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60 trước khi tiếp tục.
- Khi ống tiêm quay lên, nạp ống tiêm đã lắp vào bơm và đảm bảo rằng đĩa luer nằm hoàn toàn trong mũi bơm.
- Đặt dây truyền Precision và kim High-Flo trên bề mặt làm việc. BẬT bơm để mồi (làm đầy) dây truyền và quan sát dây truyền khi sản phẩm thuốc đến gần kim. Khi sản phẩm thuốc đạt đến điểm mong muốn, xoay công tắc BẬT/TẮT sang vị trí TẮT và ngay lập tức xoay núm điều chỉnh gió to theo chiều kim đồng hồ để nhả áp lực lên pít tông.

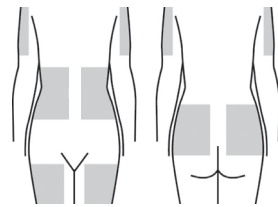


Phần II – Chuẩn bị vị trí truyền dịch

5. Chuẩn bị vị trí truyền dịch

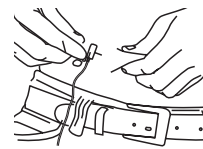
- Chọn, vệ sinh và để (các) vị trí khô trước khi gắn bộ kim. Cần thận trọng tháo tấm chắn ra khỏi đầu kim, cần thận trọng không chạm vào kim.
- Luôn tham khảo thông tin kê đơn sản phẩm thuốc để biết (các) vị trí truyền dịch. Các khu vực phổ biến để truyền dịch dưới da bao gồm bụng, đùi, bên hông trên và sau cánh tay.

 Tránh chọc kim qua nốt ruồi, hình xăm, sẹo, cơ, các khu vực cứng hoặc bầm tím, nơi có thể khó chọc kim đúng cách.



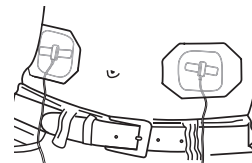
6. Đưa kim vào

- Kẹp da và cắm mỗi kim vào mô dưới da theo góc 90°. Cố định kim (làm theo hướng dẫn trong Bước 7) trước khi đưa kim vào vị trí khác.



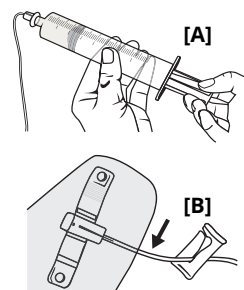
7. Cố định bộ kim tiêm

- Lột mặt đã in ra khỏi băng để lộ keo dính.
- Cố định kim bằng cách đặt băng dính vào giữa cánh bướm của kim. Vuốt nhẹ ra ngoài trên da.
- Lặp lại cho mỗi vị trí truyền dịch.



8. Kiểm tra xem có máu về không

- Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nên tư vấn cho bệnh nhân xem có nên kiểm tra máu về hay không. Kiểm tra bằng cách kéo nhẹ pít tông ống tiêm [A] về phía sau. Theo dõi để đảm bảo không có màu đỏ/màu hồng xuất hiện trong ống gần vị trí của quý vị.
- Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nên hướng dẫn bệnh nhân về các bước cần thực hiện nếu quan sát thấy máu về. Bệnh nhân nên kẹp dòng chảy vào (các) vị trí kim [B] hoặc tháo tất cả kim, gắn một bộ kim mới và bắt đầu lại từ Bước 3.
- **LƯU Ý:** Kẹp một vị trí kim sẽ làm tăng tốc độ truyền dịch đến các vị trí kim tiêm năng khác. Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nên hướng dẫn bệnh nhân kẹp kim hoặc thay bộ kim.



Phần III – Truyền dịch



Khi sử dụng ống tiêm nạp sẵn Hizentra 50 ml, hãy đảm bảo lắp Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60 trước khi lắp ống tiêm vào bơm.

Khi KHÔNG sử dụng ống tiêm nạp sẵn Hizentra 50 ml, hãy chắc chắn tháo Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60. Xem trang 5 để biết hướng dẫn.

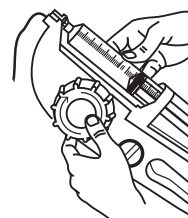
9. Cắm ống tiêm & BẬT

Đảm bảo tab đen ở cuối rãnh. Khi ống tiêm hướng lên trên, lắp ống tiêm vào bơm.

- Đảm bảo đĩa luer nằm hoàn toàn trong mũi bơm.
- BẬT bơm.

LƯU Ý: Để giảm độ biến thiên tốc độ truyền dịch, hãy cố giữ mức bơm ở các vị trí truyền dịch của quý vị.

 **Thận trọng:** nếu đĩa luer không nằm hoàn toàn trong mũi bộ điều khiển bơm, đĩa có thể đẩy ra khỏi bơm.

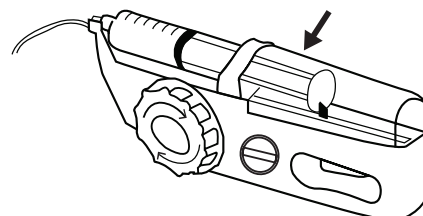


10. Truyền dịch

- Định kỳ kiểm tra xem bơm có hoạt động bình thường không bằng cách nhìn thấy pít tông ống tiêm đang di chuyển.

Nếu sử dụng nhiều ống tiêm:

- Khi ống tiêm đầu tiên hết, hãy TẮT bơm và xoay tab đen đến cuối rãnh. Lấy ống tiêm ra khỏi bơm và ngắt kết nối khỏi dây truyền. Thận trọng để không làm bắn các đầu, kết nối ống tiêm bổ sung với đầu đĩa luer của bộ dây truyền Precision.
- Khi sử dụng ống tiêm nạp sẵn Hizentra 50 ml, hãy đảm bảo Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60 được lắp trước khi lắp ống tiêm vào bơm (xem trang 5 để biết hướng dẫn).
- Khi KHÔNG sử dụng ống tiêm nạp sẵn Hizentra 50 ml, hãy chắc chắn tháo Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60 (xem trang 5 để biết hướng dẫn).
- Lắp ống tiêm đã chuẩn bị vào bơm. BẬT bơm để tiếp tục truyền. Lặp lại cho đến khi tổng liều hoàn tất.





Bệnh nhân bị đau/khó chịu dữ dội nên ngừng sử dụng ngay lập tức và liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của họ.

Để tạm dừng truyền dịch ngay lập tức, **TẮT** bơm và vận núp lớn cho đến khi tab đen ở cuối rãnh.

Nếu thiết bị bị trục trặc hoặc không hoạt động như mong đợi, hãy tham khảo hướng dẫn Xử lý sự cố trên **Trang 9**. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, bệnh nhân nên ngừng sử dụng và tham khảo ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

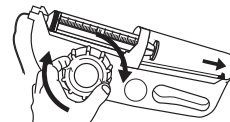
Bệnh nhân/người chăm sóc cần báo cáo bất kỳ sự cố nào cho nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và nhà phân phối tại địa phương của họ.

Đối với người dùng và nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ở Liên minh châu Âu (EU): Bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào cũng phải được báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền trong khu vực của quý vị. Bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào cần được báo cáo cho nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị và KORU Medical Systems, Inc. theo số +1-800-624-9600. Đối với bệnh nhân và/hoặc người dùng ở EU: Bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào cũng phải được báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền trong khu vực của quý vị.

Phần IV – Hoàn thành truyền dịch

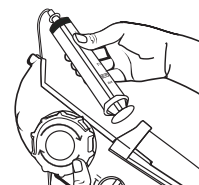
11. Tắt & xoay về

- Khi ống tiêm hết hoàn toàn và đã cho dùng tổng liều, hãy **TẮT** bơm. Vận núp lớn cho đến khi tab đen ở cuối rãnh.



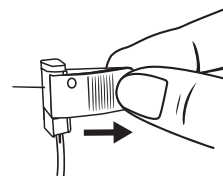
12. Tháo ống tiêm

- Tháo ống tiêm hết và dây truyền của ống tiêm.



13. Tháo kim và làm sạch các vị trí

- Giữ kim tại chỗ, bóc lớp băng dính xung quanh ra và tháo ra.
- Kéo kim thẳng ra để tháo ra. Để sử dụng tính năng an toàn, hãy đóng cánh trên kim và đóng nhanh.
- Vệ sinh từng vị trí và che bằng băng nếu cần.



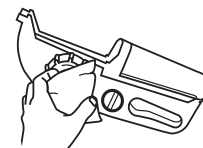
14. Thải bỏ dụng cụ dùng một lần

Thải bỏ vật tư trong hộp đựng vật sắc nhọn chắc chắn. Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nên hướng dẫn bệnh nhân cách thải bỏ các vật dụng dùng một lần theo các yêu cầu của địa phương.



15. Vệ sinh và khử trùng thiết bị

- Vệ sinh và khử trùng bơm càng sớm càng tốt sau khi sử dụng và tránh sự chậm trễ giữa các bước vệ sinh/khử trùng. Xem **trang 10** để biết hướng dẫn vệ sinh và khử trùng đầy đủ.



KHẮC PHỤC SỰ CỐ

Bệnh nhân/người chăm sóc có thể làm theo hướng dẫn xử lý sự cố bên dưới. Nếu các hướng dẫn dưới đây không giải quyết được vấn đề, người dùng nên liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe để được hỗ trợ thêm. Bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào cần được báo cáo cho nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị và KORU Medical Systems, Inc. theo số **+1-800-624-9600**. Bệnh nhân/người chăm sóc cần báo cáo bất kỳ sự cố nào cho nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và nhà phân phối tại địa phương của họ. Đối với bệnh nhân và/hoặc người dùng ở EU: Bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào cũng phải được báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền trong khu vực của quý vị. Bệnh nhân bị đau hoặc cực kỳ khó chịu nên ngừng sử dụng ngay lập tức và gọi cho nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của họ.

Ống tiêm không lắp vào hoặc tháo ra khỏi Bơm truyền dịch:

LƯU Ý: Quý vị không cần dùng lực đáng kể để lắp hoặc tháo ống tiêm.

- Đảm bảo bơm ở vị trí **TẮT** và rằng tab đen ở cuối rãnh. Nếu tab đen không ở cuối rãnh, hãy xoay núm lớn hết cỡ theo chiều kim đồng hồ và thử tháo ống tiêm ra.
- Đảm bảo rằng quý vị đang sử dụng một ống tiêm được liệt kê ở **trang 4**. Đây là những ống tiêm duy nhất đã được thử nghiệm để sử dụng với Freedom60.
- Nếu sử dụng ống tiêm nạp sẵn Hizentra® 50 ml, đảm bảo Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60 được lắp đặt trước khi nạp ống tiêm (xem **trang 5** để biết hướng dẫn)
- Khi **KHÔNG** sử dụng ống tiêm nạp sẵn Hizentra 50 ml, hãy chắc chắn tháo Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60 (xem **trang 5** để biết hướng dẫn)

Ống tiêm không ở bên trong Bơm truyền dịch:

- Đảm bảo rằng ống tiêm được kết nối với đầu đĩa luer của Bộ Dây truyền dịch Precision. Không kết nối ống tiêm trực tiếp với bộ kim.
- Đảm bảo rằng quý vị đang sử dụng một ống tiêm được liệt kê ở **trang 4**. Đây là những ống tiêm duy nhất đã được thử nghiệm để sử dụng với Freedom60.
- Đảm bảo hình dạng mặt bích của ống tiêm được đặt chắc chắn vào mũi bơm.
- Đảm bảo đĩa luer trên bộ dây truyền được đặt đúng cách vào mũi bơm.
- Đảm bảo quý vị đã gắn ống tiêm trực tiếp vào dây truyền và **KHÔNG** gắn trực tiếp vào bộ kim tiêm dưới da.

Sản phẩm thuốc (5 ml trở xuống) còn lại trong ống tiêm:

- Đảm bảo rằng quý vị đang sử dụng một ống tiêm được liệt kê ở **trang 4**. Đây là những ống tiêm duy nhất đã được thử nghiệm để sử dụng với Freedom60. Bệnh nhân nên liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của họ nếu ống tiêm không hết hoàn toàn.

Sản phẩm thuốc không chảy qua dây truyền:

- Đảm bảo rằng bơm ở vị trí **BẬT**.
- Đảm bảo tất cả các dây truyền không bị kẹt.
- Cẩn thận không chạm vào hoặc làm nhiễm bẩn các đầu, ngắt kết nối bộ dây truyền khỏi bộ kim và kiểm tra độ nhỏ giọt của sản phẩm thuốc.
- Nếu sản phẩm thuốc không nhỏ giọt, hãy thay dây truyền vì dây truyền có thể bị hư hỏng.

Tốc độ truyền dịch chậm (truyền lâu hơn dự kiến):

- Tốc độ truyền dịch có thể thay đổi cho mỗi bệnh nhân và mỗi lần truyền. Quá trình truyền dịch có thể chậm dựa trên mức độ hấp thụ sản phẩm thuốc qua mô. Một số lần truyền dịch có thể nhanh hơn những lần khác. Các lần truyền dịch đầu tiên có thể mất nhiều thời gian hơn dự kiến vì cơ thể có thể cần phải thích nghi.
- Xác minh rằng dây truyền không bị xoắn, hư hỏng hoặc thủng. Nếu đã sử dụng kẹp trượt, dây truyền có thể bị hư hỏng và cần được thay thế.
- Đảm bảo rằng quý vị đang sử dụng một ống tiêm được liệt kê ở **trang 4**. Đây là những ống tiêm duy nhất đã được thử nghiệm để sử dụng với Freedom60.
- Đảm bảo bơm ngang với các vị trí truyền dịch. Nếu bơm thấp hơn các vị trí truyền dịch, tốc độ truyền dịch có thể chậm hơn.
- Chỉ thực hiện truyền dịch khi đứng yên hoặc đi bộ. Truyền dịch khi thực hiện chuyển động khác với đi bộ có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch thay đổi nhanh hơn, chậm hơn hoặc nhiều hơn so với quy định.
- Đảm bảo rằng sản phẩm thuốc của quý vị ở nhiệt độ phòng và nhiệt độ môi trường trong không gian truyền của quý vị nằm trong khoảng từ 20-25°C (68-77°F). Truyền ở nhiệt độ thấp hơn sẽ dẫn đến tốc độ truyền dịch chậm hơn.
- Tránh đặt bộ kim lên nốt ruồi, hình xăm, mô sẹo, cơ hoặc các vùng cứng hoặc bầm tím. Mô có thể không hấp thụ chất lỏng như dự kiến.
- Bệnh nhân muốn có tốc độ truyền dịch nhanh hơn có thể cần sử dụng nhiều vị trí truyền dịch hơn, dụng cụ đo kim lớn hơn hoặc dây truyền có tốc độ truyền dịch nhanh hơn. Bệnh nhân nên liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe để biết thêm thông tin về các tùy chọn tốc độ truyền dịch/bộ dây truyền khác nhau. Tham khảo bảng tốc độ truyền dịch bắt đầu từ **trang 15** để biết các tổ hợp bộ truyền dịch.
- Bơm có thể đã hết tuổi thọ sử dụng. Cơ cấu lò xo trong bơm có thể bị mòn, dẫn đến tốc độ truyền dịch chậm hơn dự kiến. Có thể thực hiện quy trình kiểm tra trên **Trang 11** để xác minh xem thiết bị có hoạt động theo thông số kỹ thuật của nó hay không. Bệnh nhân nên liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nếu bơm không hoạt động như mong đợi.

Tốc độ truyền dịch nhanh hơn dự kiến (truyền ít tốn thời gian hơn dự kiến):

- Đảm bảo bơm ngang với các vị trí truyền dịch. Nếu bơm cao hơn các vị trí truyền dịch, tốc độ truyền dịch có thể nhanh hơn.
- Tốc độ truyền dịch có thể thay đổi cho mỗi bệnh nhân và mỗi lần truyền. Quá trình truyền dịch có thể nhanh hơn dựa trên mức độ hấp thụ dịch qua mô. Một số lần truyền dịch có thể nhanh hơn những lần khác. Các lần truyền tiếp theo sau khi dùng liều ban đầu có thể chảy nhanh hơn khi cơ thể quý vị thích nghi với các lần truyền.
- Đảm bảo quý vị đã kết nối dây truyền dịch của mình. Nếu ống tiêm được kết nối trực tiếp với bộ kim sẽ không có kiểm soát tốc độ truyền dịch và ống tiêm có thể đẩy ra khỏi bơm.
- Chỉ thực hiện truyền dịch khi đứng yên hoặc đi bộ. Truyền dịch khi thực hiện chuyển động khác với đi bộ có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch thay đổi nhanh hơn, chậm hơn hoặc nhiều hơn so với quy định.
- Đảm bảo rằng sản phẩm thuốc của quý vị ở nhiệt độ phòng và nhiệt độ môi trường trong không gian truyền của quý vị nằm trong khoảng từ 20-25°C (68-77°F). Truyền ở nhiệt độ cao hơn có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch cao hơn.
- Những bệnh nhân muốn tốc độ truyền dịch chậm hơn có thể cần ít vị trí hơn, một bộ kim khác và/hoặc bộ dây truyền dẫn tốc độ truyền dịch chậm hơn và nên liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của họ.

Dòng chảy tiếp tục sau khi ngừng truyền dịch:

- Đây là chức năng bình thường của bơm vì bơm được thiết kế để duy trì áp suất trong và sau khi truyền để ngăn dòng chảy ngược của sản phẩm thuốc.
- Để nhả áp lực từ pít tông ống tiêm và để dừng dòng chảy, xoay núm điều chỉnh gió to theo chiều kim đồng hồ sao cho tab đen ở cuối rãnh.
- Quý vị cũng có thể sử dụng kẹp trượt để dừng dòng chảy ngay lập tức. Việc này chỉ nên được thực hiện trong trường hợp khẩn cấp vì việc sử dụng kẹp trượt có thể làm hỏng dây truyền. Sau khi sử dụng kẹp trượt, thay bộ dây truyền và/hoặc bộ kim tiêm trước khi tiếp tục truyền.

Có các phản ứng tại chỗ truyền dịch (ví dụ: sưng, tấy đỏ hoặc đau nhức):

- Để sản phẩm thuốc tiếp xúc với kim khi mỗi có thể gây kích ứng. Nên đặt bộ kim tiêm dưới da khô vì sản phẩm thuốc có thể gây kích ứng da.
- Đảm bảo rằng (các) kim đủ dài để tiếp cận lớp dưới da. Nếu kim được chọn quá ngắn, có thể xảy ra rò rỉ tại vị trí đó. Bệnh nhân bị rò rỉ tại vị trí này có thể cần kim dài hơn. Bệnh nhân nên liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của họ nếu họ bị rò rỉ.
- Kim quá dài có thể đâm vào cơ và gây đau khi luồn kim. Bệnh nhân bị đau có thể cần kim ngắn hơn và nên liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Tham khảo **trang 13** để biết các tùy chọn kim.
- Những bệnh nhân muốn tốc độ truyền dịch chậm hơn có thể cần ít vị trí hơn, một bộ kim khác và/hoặc bộ dây truyền dẫn tốc độ truyền dịch chậm hơn và nên liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của họ.
- Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cần tư vấn cho bệnh nhân về các vị trí truyền dịch dưới da thích hợp và liệu các vị trí truyền dịch có nên được luân phiên giữa các lần truyền dịch hay không.

CHĂM SÓC, BẢO DƯỠNG VÀ THẢI BỎ:

Bơm truyền dịch Freedom60 không yêu cầu người dùng thực hiện bất kỳ thao tác hiệu chuẩn nào.

Vận chuyển:

Freedom60 đã được xác minh là chịu được điều kiện vận chuyển của nhiệt độ (-29-60°C) $\pm 2^\circ\text{C}$ và độ ẩm (15%-85%) $\pm 5\%$ mà không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của hệ thống. Vận chuyển thiết bị ra ngoài những điều kiện này có thể làm hỏng thiết bị hoặc dẫn đến hiệu suất tốc độ truyền dịch không xác định hoặc không chính xác.

Bảo quản:

Bơm truyền dịch Freedom60 đã được xác minh là duy trì hiệu suất khi được bảo quản tối đa hai (2) năm ở nhiệt độ 20-25°C (68-77°F) và độ ẩm 45-55%. Bảo quản thiết bị ở nhiệt độ cao hơn hoặc thấp hơn hoặc trong môi trường ẩm hơn có thể làm hỏng bơm và/hoặc giảm tuổi thọ dự kiến.

Hướng dẫn vệ sinh và khử trùng:

Giữa các lần sử dụng, bơm truyền phải được vệ sinh và sau đó khử trùng.

Sau khi vệ sinh và khử trùng, kiểm tra bơm xem có bị hư hỏng không thể chấp nhận được như ăn mòn, đổi màu, rỉ và nứt không. Theo dõi thiết bị của quý vị để phát hiện các dấu hiệu hoạt động bất thường hoặc suy giảm (ví dụ: tốc độ truyền dịch chậm hơn dự kiến hoặc ngừng dòng chảy). Nên liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nếu bơm bị hỏng.

Quy trình vệ sinh:

1. Vệ sinh bơm bằng vải mềm được làm ẩm bằng hỗn hợp chất tẩy rửa nhẹ và nước ấm yếu (tỷ lệ tối thiểu là một (1) chất tẩy rửa một phần so với 50 phần nước theo thể tích).
2. Sử dụng dung dịch tẩy rửa đã chuẩn bị và khăn lau sạch không xơ hoặc khăn mềm, lau tất cả các bề mặt bên ngoài của bơm, bao gồm mũi bơm và khay ống tiêm lên đến tấm chắn ống tiêm trong ít nhất một (1) phút. Đảm bảo thiết bị mở hoàn toàn để cho phép tất cả các bề mặt được vệ sinh. Trong khi lau một (1) phút, đặc biệt chú ý đến các gờ, kẽ hở, chữ nổi lên trong khi lau. Thay khăn hoặc khăn lau bẩn khi cần, thay khăn lau khi cần thiết để đảm bảo rằng tất cả các bề mặt được vệ sinh.
3. Sử dụng khăn lau sạch không xơ hoặc vải mềm thấm nước máy ở nhiệt độ phòng (ướt nhưng không nhỏ giọt), lau tất cả các bề mặt bên ngoài của bơm, bao gồm mũi bơm và khay ống tiêm lên đến tấm chắn ống tiêm. Đặc biệt chú ý đến các gờ, kẽ hở, chữ nổi lên trong khi lau. Tiếp tục lau cho đến khi loại bỏ hết phần cặn để đảm bảo bơm được vệ sinh hoàn toàn. Thay hoặc làm ướt lại vải hoặc khăn lau khi cần, thay khăn lau khi cần thiết để đảm bảo rằng tất cả các bề mặt được rửa sạch.
4. Lau khô bơm bằng khăn lau sạch không xơ hoặc khăn mềm.
5. Kiểm tra bơm xem có còn cặn và mảnh vụn nhìn thấy được không để đảm bảo rằng dụng cụ được vệ sinh kỹ lưỡng. Nếu dụng cụ còn sót lại phần cặn và mảnh vụn nhìn thấy được sau khi vệ sinh, lặp lại các bước vệ sinh (1 đến 4). Sau khi loại bỏ hết phần cặn và mảnh vụn nhìn thấy được, hãy khử trùng bơm theo quy trình khử trùng trên trang sau.



Thận trọng: Chỉ vệ sinh những khu vực tiếp xúc và bên ngoài. Không được cố gắng vệ sinh bất kỳ bộ phận nào của bơm truyền mà không dễ tiếp cận.

Quy trình khử trùng:

1. Sử dụng khăn lau IPA đã được làm ẩm trước, hoặc khăn hoặc miếng gạc không xơ được làm ẩm bằng cồn Isopropyl 70% (IPA) (ẩm nhưng không nhỏ giọt) để lau kỹ tất cả các bề mặt bên ngoài của Bơm truyền dịch Freedom60.

- Đảm bảo lau sạch tất cả các bề mặt bên ngoài của bơm và đầu nối bao gồm mũi bơm và khay ống tiêm đến vỏ ống tiêm. Đặc biệt chú ý đến các góc, kẽ hở, chữ nổi lên trong khi lau. Đảm bảo thiết bị mở hoàn toàn để cho phép tất cả các bề mặt được vệ sinh.



• **Thận trọng:** Chỉ vệ sinh những khu vực tiếp xúc và bên ngoài. Không được cố gắng vệ sinh bất kỳ bộ phận nào của bơm mà không dễ tiếp cận.

- Để tất cả các bề mặt vẫn còn ướt rõ ràng trong ít nhất năm (5) phút. Trong thời gian tiếp xúc năm (5) phút, sử dụng thêm khăn lau để đảm bảo tất cả các bề mặt tiếp xúc vẫn ướt trong toàn bộ thời gian tiếp xúc.

2. Làm khô kỹ thiết bị bằng (các) khăn lau không xơ hoặc để khô trong không khí.

3. Kiểm tra trực quan thiết bị xem có dấu hiệu hư hỏng hoặc mòn (chẳng hạn như ăn mòn, đổi màu, rỗ hoặc nứt không).

Kiểm tra độ chính xác của dòng chảy

Có thể làm theo quy trình sau để xác minh độ chính xác của dòng chảy của Bơm truyền dịch Freedom60.

Nếu bơm truyền dịch truyền chậm hơn dự kiến, có thể thực hiện kiểm tra này để xác minh xem bơm truyền có đáp ứng thông số kỹ thuật hiệu suất dự kiến hay không.

Nếu kết quả kiểm tra nằm ngoài phạm vi được chỉ định trong Bước 8, hãy liên hệ với KORU Medical Systems hoặc nhà phân phối tại địa phương của quý vị để biết các tùy chọn thay thế hoặc sửa chữa.

1. Loại bỏ tất cả không khí khỏi ống tiêm BD® 50 ml mới.
2. Đổ đầy 50 ml nước vô trùng.
3. Gắn bộ Dây truyền F120 Precision vô trùng vào ống tiêm.
4. Loại bỏ tất cả không khí khỏi bộ dây truyền.
5. Lắp ống tiêm vào bơm.
6. Sử dụng đồng hồ bấm giờ hoặc thiết bị theo dõi thời gian tương tự, khởi động bộ hẹn giờ khi nắp trên của bơm được đóng hoàn toàn (dòng chảy sẽ bắt đầu).
7. Theo dõi và dừng bộ hẹn giờ khi 10 ml nước đã rời khỏi ống tiêm.
8. Thời gian trôi qua phải rơi vào khoảng từ 3 phút đến 50 giây và 5 phút và 11 giây.

Thông số kỹ thuật

Bài kiểm tra được thực hiện trong môi trường phòng thí nghiệm có kiểm soát ở nhiệt độ 20-25°C (68-77°F) và áp suất khí quyển là 1,01 bar (±0,09). Để có độ chính xác tối đa, nên truyền trong cùng điều kiện môi trường. Độ chính xác của tốc độ truyền dịch hệ thống (±15%) đã được xác minh bằng dung dịch có đối chứng (Chất thay thế PEG 7,4 cP) trong khoảng 20-25°C (68-77°F).

Sản phẩm thuốc tương thích:

Tốc độ truyền dịch và độ chính xác của tốc độ truyền dịch do Freedom60 cung cấp chỉ được xác minh cho các sản phẩm thuốc cụ thể và tổ hợp bộ truyền dịch được liệt kê trong các bảng tốc độ truyền dịch bắt đầu từ **Trang 15**.

Không sử dụng Hệ thống truyền dịch Freedom60 để truyền các sản phẩm thuốc khác không được liệt kê trong Hướng dẫn sử dụng này. Việc sử dụng các sản phẩm thuốc khác có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch không rõ hoặc không chính xác và có thể dẫn đến tổn hại cho bệnh nhân.

Tuổi thọ và thời hạn sử dụng dự kiến:

Đầu nối cho ống tiêm nạp sẵn Freedom60 đã được xác minh tuổi thọ sử dụng tối thiểu là 360 chu kỳ (15 lần sử dụng mỗi tháng trong hai năm). Người dùng nên kiểm tra thiết bị trước khi sử dụng và không sử dụng Đầu nối nếu thiết bị bị nứt, biến dạng, mòn hoặc hư hỏng. Nếu phát hiện thiết bị không sử dụng được, người dùng nên thải bỏ và liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe để thay thế.

Bơm truyền dịch Freedom60 có thời hạn sử dụng dự kiến là hai (2) năm trước lần sử dụng đầu tiên và đã được thử nghiệm để đáp ứng các thông số kỹ thuật hiệu suất đã nêu cho 360 lần sử dụng (tương đương cho hai (2) năm sử dụng khi được sử dụng 15 lần mỗi tháng) khi được bảo quản và vệ sinh theo hướng dẫn nêu trên trang 10 và 11.

Để xác minh hiệu suất của thiết bị, có thể thực hiện bài kiểm tra độ chính xác tốc độ truyền dịch trên trang 11. Nếu thiết bị không vượt qua được bài kiểm tra độ chính xác của dòng chảy, hoặc nếu bơm cho thấy các dấu hiệu hư hỏng hoặc lão hóa (chẳng hạn như ăn mòn, đổi màu, rỗ và nứt, hãy thải bỏ thiết bị theo hướng dẫn thải bỏ bên dưới.

Thông tin thải bỏ:

Các yêu cầu về thải bỏ chất thải y tế có thể thay đổi tùy theo địa điểm của quý vị. Thải bỏ Bơm truyền dịch Freedom60 theo các yêu cầu tại địa phương của quý vị. Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nên tư vấn cho bệnh nhân về hướng dẫn thải bỏ cho khu vực cụ thể của họ.

Bơm truyền dịch Freedom60 không chứa các thành phần điện tử hoặc pin. Bơm truyền được sản xuất từ các thành phần nhựa và kim loại và không chứa vật liệu hoặc chất bị hạn chế bởi ROHS, WEEE hoặc REACH. Không tháo rời bơm trước khi thải bỏ vì cơ cấu lò xo bên trong có thể gây thương tích.

Vệ sinh và khử trùng bơm truyền trước khi thải bỏ. Nếu thiết bị bị nhiễm chất dịch cơ thể, hãy tham khảo các yêu cầu tại địa phương của quý vị về việc thải bỏ các vật liệu nguy hiểm sinh học hoặc nhiễm bẩn.

Các phụ kiện truyền dịch dùng một lần và các vật tư truyền dịch khác phải được thải bỏ trong hộp đựng thải bỏ vật sắc nhọn an toàn theo các yêu cầu tại địa phương. Đảm bảo đóng cánh bướm bộ kim tiêm được gắn chặt trên kim trước khi thải bỏ.

Các phụ kiện truyền dịch tương thích

Bơm truyền dịch Freedom60 được thiết kế để hoạt động cùng với các phụ kiện của Hệ thống Freedom (Dây truyền Precision, Bộ điều khiển truyền dịch Precision, Bộ kim High-Flo™ SubQ, Dây truyền nối chữ Y thể tích tồn lưu thấp và Bộ dây nối dài). Chỉ sử dụng các phụ kiện của Hệ thống Freedom được sản xuất bởi KORU và các ống tiêm tương thích như được liệt kê dưới đây. Việc sử dụng các sản phẩm khác có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch bất ngờ hoặc hư hỏng Bơm truyền dịch Freedom60.

Bộ Dây truyền dịch Precision™:

Mô tả	Mã số mặt hàng	Thể tích tồn lưu	Mỗi hộp
Tốc độ truyền dịch thấp	F120	0,16 ml	50
Mô tả	Mã số mặt hàng	Thể tích tồn lưu	Mỗi hộp
Tốc độ truyền dịch thấp	F180	0,13 ml	50
Tốc độ truyền dịch cao	F275	0,11 ml	50
Tốc độ truyền dịch cao	F420	0,10 ml	50

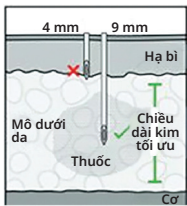
Mô tả	Mã số mặt hàng	Thể tích tồn lưu	Mỗi hộp
Tốc độ truyền dịch cao	F500	0,09 ml	50
Tốc độ truyền dịch cao	F600	0,09 ml	50
Tốc độ truyền dịch cao	F900	0,08 ml	50
Tốc độ truyền dịch cao	F1200	0,13 ml	50
Tốc độ truyền dịch cao	F2400	0,15 ml	50
Bộ điều khiển tốc độ truyền dịch	F3CP	0,27 ml	10

Bộ khởi động truyền dịch:

Mã số mặt hàng	Mô tả	Thành phần bên trong mỗi hộp
H20KT	Bộ khởi động tốc độ truyền dịch cao	(2) F275, (5) F600, (5) F900, (4) F1200, (4) F2400
L20KT	Bộ khởi động tốc độ truyền dịch thấp	(2) F30, (5) F45, (5) F60, (4) F120, (4) F180

Phụ kiện liên quan đến KORU:

Mã số mặt hàng	Mô tả	Thể tích tồn lưu
LRVY	Dây truyền nối chữ Y thể tích tồn lưu thấp	0,14 ml
FEXT	Bộ dây nối dài 24"	0,4 ml



Chọn các bộ kim High-Flo:

Tham khảo các bảng sau để biết các tùy chọn khả dụng.

Kim có nhiều độ dài. Kim phải xâm nhập vào mô dưới da. Chọn chiều dài kim dựa trên kích thước bệnh nhân và vị trí truyền dịch.

Dụng cụ đo 24 (G) có đường kính lớn hơn và chảy nhanh hơn trong khi dụng cụ đo 26G có đường kính nhỏ hơn và chảy chậm hơn.

Bộ kim High-Flo™ SubQ 26G:

Bộ kim đơn			
Chiều dài	Số hiệu mặt hàng	Thể tích tồn lưu	Mỗi hộp
4 mm	RMS12604	0,1 ml	20
6 mm	RMS12606	0,1 ml	20
9 mm	RMS12609	0,1 ml	20
12 mm	RMS12612	0,1 ml	20
14 mm	RMS12614	0,1 ml	20

Bộ hai kim			
Chiều dài	Số hiệu mặt hàng	Thể tích tồn lưu	Mỗi hộp
4 mm	RMS22604	0,2 ml	10
6 mm	RMS22606	0,2 ml	10
9 mm	RMS22609	0,2 ml	10
12 mm	RMS22612	0,2 ml	10
14 mm	RMS22614	0,2 ml	10

Bộ ba kim			
Chiều dài	Số hiệu mặt hàng	Thể tích tồn lưu	Mỗi hộp
4 mm	RMS32604	0,3 ml	10
6 mm	RMS32606	0,3 ml	10
9 mm	RMS32609	0,3 ml	10
12 mm	RMS32612	0,3 ml	10
14 mm	RMS32614	0,3 ml	10

Bộ bốn kim			
Chiều dài	Số hiệu mặt hàng	Thể tích tồn lưu	Mỗi hộp
4 mm	RMS42604	0,4 ml	10
6 mm	RMS42606	0,4 ml	10
9 mm	RMS42609	0,4 ml	10
12 mm	RMS42612	0,4 ml	10
14 mm	RMS42614	0,4 ml	10

Bộ năm kim			
Chiều dài	Số hiệu mặt hàng	Thể tích tồn lưu	Mỗi hộp
4 mm	RMS52604	0,5 ml	10
6 mm	RMS52606	0,5 ml	10
9 mm	RMS52609	0,5 ml	10
12 mm	RMS52612	0,5 ml	10
14 mm	RMS52614	0,5 ml	10

Bộ sáu kim			
Chiều dài	Số hiệu mặt hàng	Thể tích tồn lưu	Mỗi hộp
4 mm	RMS62604	0,6 ml	10
6 mm	RMS62606	0,6 ml	10
9 mm	RMS62609	0,6 ml	10
12 mm	RMS62612	0,6 ml	10
14 mm	RMS62614	0,6 ml	10

Bộ kim High-Flo™ SubQ 24G:

Bộ kim đơn			
Chiều dài	Số hiệu mặt hàng	Thể tích tồn lưu	Mỗi hộp
6 mm	RMS12406	0,4 ml	20
9 mm	RMS12409	0,4 ml	20
12 mm	RMS12412	0,4 ml	20
14 mm	RMS12414	0,4 ml	20

Bộ hai kim			
Chiều dài	Số hiệu mặt hàng	Thể tích tồn lưu	Mỗi hộp
6 mm	RMS22406	0,7 ml	10
9 mm	RMS22409	0,7 ml	10
12 mm	RMS22412	0,7 ml	10
14 mm	RMS22414	0,7 ml	10

Bộ ba kim			
Chiều dài	Số hiệu mặt hàng	Thể tích tồn lưu	Mỗi hộp
6 mm	RMS32406	1,1 ml	10
9 mm	RMS32409	1,1 ml	10
12 mm	RMS32412	1,1 ml	10
14 mm	RMS32414	1,1 ml	10

Bộ bốn kim			
Chiều dài	Số hiệu mặt hàng	Thể tích tồn lưu	Mỗi hộp
6 mm	RMS42406	1,4 ml	10
9 mm	RMS42409	1,4 ml	10
12 mm	RMS42412	1,4 ml	10

BẢNG TỐC ĐỘ TRUYỀN DỊCH

Mục sau đây là để hướng dẫn các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe trong việc lựa chọn Bộ Dây truyền dịch Precision™ và Bộ kim High-Flo™ SubQ để đạt được tốc độ truyền dịch mong muốn dựa trên các sản phẩm thuốc được chọn và số lượng vị trí truyền dịch. Các thông số truyền dịch (tốc độ và thể tích) được xác định dựa trên thông tin kê đơn của sản phẩm thuốc. Quyết định về cấu hình dây truyền dịch tối ưu và kim tiêm dưới da chỉ do nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe đưa ra. Bệnh nhân phải được một nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe có trình độ đào tạo trước khi tự dùng sản phẩm thuốc được kê đơn.

Khi sử dụng HyQvia®, vui lòng tham khảo thông tin kê đơn của sản phẩm thuốc để biết tốc độ truyền dịch được khuyến nghị và Hướng dẫn sử dụng Bộ điều khiển tốc độ truyền dịch Precision.

Liên hệ với nhà phân phối tại địa phương của KORU Medical Systems, Inc. nếu có bất kỳ câu hỏi nào hoặc để được hỗ trợ thêm trong việc xác định dây truyền dịch và bộ kim dưới da nào sẽ được sử dụng.

LƯU Ý: Tất cả các bảng tốc độ truyền dịch được dựa trên thử nghiệm trên bàn thí nghiệm được thực hiện với áp lực ngược 0 psi.

Cách sử dụng bảng tốc độ truyền dịch để truyền dịch dưới da:

- Chọn được phẩm được kê đơn và tham khảo thông tin kê đơn để biết tốc độ truyền hoặc thời gian truyền được khuyến nghị.
- Xác nhận ống tiêm sẽ được sử dụng.
- Chọn loại kim tiêm dưới da – kim 26G hoặc 24G.
- Đánh giá và chọn dây truyền dịch và số kim dựa trên pha truyền và tốc độ truyền dịch. Xác minh bảng tốc độ truyền dịch chính xác.

Bảng dưới đây cung cấp một phương pháp để tính toán thời gian truyền ước tính, nếu cần.

Để tính toán thời gian truyền ước tính, sử dụng các công thức dưới đây		
Bước 1	Tốc độ truyền dịch trên mỗi vị trí, ml/h x Số kim	Tổng tốc độ truyền dịch, ml/h
Bước 2	$\frac{\text{(Tổng thể tích sản phẩm thuốc, ml / Tổng tốc độ truyền dịch, ml/h)} \times 60 \text{ phút}}{\text{Tổng thời gian truyền, phút}}$	Tổng thời gian truyền, tối thiểu

Các thành phần của bảng tốc độ truyền dịch:

Cutaquig® (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Dung dịch 16,5%).....	14
Cuvitru® (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Dung dịch 20%).....	15
Hizentra® (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Chất lỏng 20%).....	16
Ống tiêm nạp sẵn Hizentra® 50 ml (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Chất lỏng 20%).....	17
Xembify® (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Chất lỏng 20%).....	18

Cutaquig® (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Dung dịch 16,5%)

Các bảng sau đây cho biết tốc độ truyền dịch dự đoán trung bình, tối thiểu và tối đa trên mỗi cơ sở với Bộ kim High-Flo™ SubQ, (26G và 24G) khi được sử dụng kết hợp với Dây truyền dịch KORU Precision™ và Hệ thống truyền dịch FREEDOM60® với một ống tiêm 50 ml để sử dụng dưới da Cutaquig. Độ chính xác tốc độ truyền dịch của Hệ thống truyền dịch Freedom60 đã được xác minh là $\pm 15\%$ bằng cách sử dụng dung dịch có đối chứng (Chất thay thế PEG 7,4 cP) trong phạm vi nhiệt độ 20-25°C (68-77°F). Việc truyền ngoài phạm vi nhiệt độ này có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch khác với quy định dưới đây.

Khóa bên dưới cho biết tốc độ truyền dịch được đề xuất dựa trên nhãn sản phẩm thuốc. Vui lòng tham khảo nhãn sản phẩm thuốc để biết thông tin chi tiết về tốc độ truyền dịch và thể tích tối đa được khuyến nghị cho mỗi vị trí truyền dịch cho các lần truyền dịch ban đầu và sau đó.

- Tốc độ truyền dịch ban đầu cho bệnh nhân mới sử dụng SCIG ≤ 15 ml/giờ/vị trí
- Bệnh nhân đã và đang sử dụng SCIG: tiếp tục với tốc độ truyền dịch sớm hơn
- Các lần truyền dịch tiếp theo: bệnh nhân ≥ 40 kg: tốc độ truyền có thể tăng dần 10 ml/giờ/vị trí mỗi hai (2) đến bốn (4) tuần.
- Các lần truyền tiếp theo: bệnh nhân < 40 kg: tốc độ truyền có thể tăng dần 10 ml/giờ/vị trí bốn (4) tuần một lần.
- Bệnh nhân có tốc độ truyền dịch tối đa ≥ 40 kg là 67,5 ml/giờ/vị trí.
- Bệnh nhân có tốc độ truyền dịch tối đa < 40 kg là 25 ml/giờ/vị trí.

High-Flo 26G với dây truyền Precision - Tốc độ truyền dịch trung bình (tối thiểu-tối đa) cho mỗi vị trí (ml/giờ/vị trí)

	F120	F180	F275	F420	F500	F600	F900	F1200	F2400
1 kim	10,1 (6,6-13,5)	12,6 (9,0-16,2)	17,3 (12,3-22,3)	22,9 (15,6-30,2)	25,3 (18,6-32,0)	27,9 (20,2-35,6)	34,8 (25,5-44,1)	37,6 (26,9-48,3)	46,0 (33,4-58,5)
2 kim	5,5 (3,5-7,5)	7,1 (5,0-9,1)	10,2 (7,1-13,2)	14,3 (9,5-19,1)	16,2 (11,8-20,6)	18,4 (13,1-23,7)	24,9 (17,9-31,9)	27,9 (19,3-36,4)	38,1 (26,8-49,3)
3 kim	3,8 (2,4-5,2)	4,9 (3,5-6,3)	7,2 (5,0-9,4)	10,4 (6,8-14)	11,9 (8,6-15,2)	13,8 (9,7-17,8)	19,4 (13,8-24,9)	22,2 (15,1-29,2)	32,6 (22,4-42,7)
4 kim	2,9 (1,8-3,9)	3,8 (2,7-4,9)	5,6 (3,9-7,3)	8,2 (5,3-11,0)	9,4 (6,8-12,0)	11,0 (7,7-14,2)	15,9 (11,3-20,5)	18,4 (12,4-24,4)	28,5 (19,3-37,6)
5 kim	2,4 (1,5-3,2)	3,1 (2,2-3,9)	4,6 (3,2-6,0)	6,7 (4,3-9,1)	7,8 (5,6-10,0)	9,1 (6,4-11,8)	13,5 (9,5-17,4)	15,7 (10,5-20,9)	25,3 (16,9-33,6)
6 kim	2,0 (1,2-2,7)	2,6 (1,8-3,3)	3,9 (2,7-5,0)	5,7 (3,7-7,7)	6,7 (4,8-8,5)	7,8 (5,4-10,1)	11,7 (8,2-15,1)	13,7 (9,1-18,3)	22,7 (15-30,4)

High-Flo 24G với dây truyền Precision - Tốc độ truyền dịch trung bình (tối thiểu-tối đa) cho mỗi vị trí (ml/giờ/vị trí)

	F120	F180	F275	F420	F500	F600	F900	F1200	F2400
1 kim	11,7 (7,4-15,9)	15,3 (10,8-19,7)	22,7 (15,7-29,6)	33,4 (21,6-45,2)	38,8 (28,0-49,5)	45,1 (31,5-58,7)	66,5 (47-85,9)	77,5 (51,9-103,0)	123,7 (83-164,3)
2 kim	6,0 (3,8-8,1)	7,8 (5,5-10,1)	11,9 (8,2-15,5)	17,8 (11,4-24,2)	20,9 (15-26,7)	24,6 (17-32,1)	37,8 (26,4-49,1)	45,2 (29,6-60,7)	79,9 (51,7-108,1)
3 kim	4,0 (2,5-5,5)	5,3 (3,7-6,8)	8,0 (5,5-10,5)	12,1 (7,7-16,5)	14,3 (10,2-18,3)	16,9 (11,7-22,1)	26,4 (18,4-34,4)	31,9 (20,7-43)	59,1 (37,5-80,6)
4 kim	3,0 (1,9-4,1)	4,0 (2,8-5,1)	6,1 (4,2-7,9)	9,3 (5,9-12,6)	10,9 (7,8-13,9)	12,9 (8,9-16,8)	20,3 (14,1-26,5)	24,6 (15,9-33,3)	46,8 (29,4-64,2)

Tốc độ truyền dịch được tạo ra bằng cách sử dụng mô hình tốc độ truyền dịch đã được phê chuẩn và được xác minh bằng cách sử dụng một dung dịch có đối chứng tương đương cho độ nhớt của sản phẩm thuốc ở nhiệt độ phòng (20-25°C).

Cuvitru® (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Dung dịch 20%)

Các bảng sau đây cho biết tốc độ truyền dịch dự đoán trung bình, tối thiểu và tối đa trên mỗi cơ sở với Bộ kim High-Flo™ SubQ, (26G và 24G) khi được sử dụng kết hợp với Dây truyền dịch KORU Precision™ và Hệ thống truyền dịch FREEDOM60® với một ống tiêm 50 ml để sử dụng dưới da Cuvitru. Độ chính xác tốc độ truyền dịch của Hệ thống truyền dịch Freedom60 đã được xác minh là $\pm 15\%$ bằng cách sử dụng dung dịch có đối chứng (Chất thay thế PEG 7,4 cP) trong phạm vi nhiệt độ 20-25°C (68-77°F). Việc truyền ngoài phạm vi nhiệt độ này có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch khác với quy định dưới đây.

Khóa bên dưới cho biết tốc độ truyền dịch được đề xuất dựa trên nhãn sản phẩm thuốc. Vui lòng tham khảo nhãn sản phẩm thuốc để biết thông tin chi tiết về tốc độ truyền dịch và thể tích tối đa được khuyến nghị cho mỗi vị trí truyền dịch cho các lần truyền dịch ban đầu và sau đó.

- Tốc độ truyền dịch khuyến nghị cho lần truyền ban đầu (**tốc độ truyền dịch tối đa ≤ 10 ml/giờ/vị trí**)
- Tốc độ truyền dịch cho hai lần truyền đầu tiên (**tốc độ truyền dịch tối đa ≤ 20 ml/giờ/vị trí**)
- Các lần truyền tiếp theo có thể tăng lên dựa trên khả năng dung nạp của bệnh nhân.

High-Flo 26G với dây truyền Precision - Tốc độ truyền dịch trung bình (tối thiểu-tối đa) cho mỗi vị trí (ml/giờ/vị trí)

	F120	F180	F275	F420	F500	F600	F900	F1200	F2400
1 kim	6,4 (3,7-9,1)	7,9 (4,9-10,9)	10,8 (6,5-15,0)	14,1 (8-20,3)	15,4 (9,3-21,5)	16,9 (9,9-23,9)	20,8 (12,0-29,6)	22,4 (12,5-32,4)	26,9 (14,7-39,1)
2 kim	3,5 (2,1-5,0)	4,5 (2,9-6,1)	6,4 (4,0-8,9)	9,0 (5,2-12,9)	10,1 (6,3-13,9)	11,4 (6,9-15,9)	15,2 (9,0-21,4)	17,0 (9,6-24,4)	22,7 (12,5-33,0)
3 kim	2,4 (1,4-3,5)	3,1 (2,0-4,3)	4,6 (2,9-6,3)	6,6 (3,8-9,4)	7,5 (4,8-10,2)	8,6 (5,3-12,0)	12,0 (7,2-16,8)	13,7 (7,8-19,6)	19,7 (10,8-28,6)
4 kim	1,9 (1,1-2,7)	2,4 (1,6-3,3)	3,6 (2,2-4,9)	5,2 (3,0-7,4)	6,0 (3,8-8,1)	6,9 (4,3-9,6)	9,9 (6,0-13,8)	11,5 (6,5-16,4)	17,4 (9,6-25,2)
5 kim	1,5 (0,9-2,1)	2,0 (1,3-2,7)	2,9 (1,8-4,0)	4,3 (2,5-6,1)	5,0 (3,2-6,7)	5,8 (3,6-8,0)	8,4 (5,2-11,7)	9,9 (5,6-14,1)	15,6 (8,6-22,6)
6 kim	1,3 (0,7-1,8)	1,7 (1,1-2,2)	2,5 (1,6-3,4)	3,7 (2,1-5,2)	4,2 (2,7-5,7)	5,0 (3,1-6,8)	7,3 (4,5-10,2)	8,7 (5,0-12,4)	14,1 (7,8-20,4)

High-Flo 24G với dây truyền Precision - Tốc độ truyền dịch trung bình (tối thiểu-tối đa) cho mỗi vị trí (ml/giờ/vị trí)

	F120	F180	F275	F420	F500	F600	F900	F1200	F2400
1 kim	7,6 (4,4-10,7)	9,8 (6,4-13,3)	14,6 (9,2-20,0)	21,6 (12,6-30,5)	24,8 (16,1-33,4)	28,8 (18,1-39,5)	42,1 (26,4-57,8)	49,2 (28,8-69,5)	77,3 (44,2-110,3)
2 kim	3,9 (2,3-5,5)	5,1 (3,3-6,8)	7,7 (4,9-10,5)	11,5 (6,7-16,3)	13,4 (8,8-18,0)	15,8 (10,0-21,6)	24,2 (15,3-33,1)	29,0 (16,9-41,0)	50,8 (28,8-72,8)
3 kim	2,6 (1,5-3,7)	3,4 (2,2-4,6)	5,2 (3,3-7,1)	7,9 (4,6-11,2)	9,2 (6,1-12,3)	10,9 (6,9-14,9)	17,0 (10,8-23,2)	20,5 (12,0-29,1)	37,8 (21,3-54,3)
4 kim	2,0 (1,1-2,8)	2,6 (1,7-3,5)	3,9 (2,5-5,4)	6,0 (3,5-8,5)	7,0 (4,6-9,4)	8,3 (5,3-11,4)	13,1 (8,3-17,9)	15,9 (9,3-22,5)	30,1 (16,9-43,3)
5 kim	1,6 (0,9-2,2)	2,1 (1,3-2,8)	3,2 (2,0-4,3)	4,8 (2,8-6,8)	5,6 (3,7-7,6)	6,7 (4,3-9,2)	10,6 (6,8-14,5)	13,0 (7,6-18,4)	25,0 (14,0-36,0)
6 kim	1,3 (0,8-1,9)	1,7 (1,1-2,3)	2,6 (1,7-3,6)	4,0 (2,4-5,7)	4,7 (3,1-6,3)	5,6 (3,6-7,7)	9,0 (5,7-12,2)	11,0 (6,4-15,5)	21,4 (12,0-30,8)

Tốc độ truyền dịch được tạo ra bằng cách sử dụng mô hình tốc độ truyền dịch đã được phê chuẩn và được xác minh bằng cách sử dụng một dung dịch có đối chứng tương đương cho độ nhớt của sản phẩm thuốc ở nhiệt độ phòng (20-25°C).

Hizentra® (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Chất lỏng 20%):

Các bảng sau đây cho biết tốc độ truyền dịch dự đoán trung bình, tối thiểu và tối đa trên mỗi vị trí cho mỗi tổ hợp Bộ kim High-Flo™ SubQ, (26G và 24G) và Dây truyền dịch KORU Precision™ khi được sử dụng với Bơm truyền dịch Freedom60® với một ống tiêm Hizentra 50 ml nạp sẵn để truyền dịch dưới da. Độ chính xác tốc độ truyền dịch của Hệ thống truyền dịch Freedom60 đã được xác minh là $\pm 15\%$ bằng cách sử dụng dung dịch có đối chứng (Chất thay thế PEG 7,4 cP) trong phạm vi nhiệt độ 20-25°C (68-77°F). Việc truyền ngoài phạm vi nhiệt độ này có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch khác với quy định dưới đây.

Khóa bên dưới cho biết tốc độ truyền dịch được đề xuất dựa trên nhãn sản phẩm thuốc. Vui lòng tham khảo nhãn sản phẩm thuốc để biết thông tin chi tiết về tốc độ truyền dịch và thể tích tối đa được khuyến nghị cho mỗi vị trí truyền dịch cho các lần truyền dịch ban đầu và sau đó.

- Tốc độ truyền dịch cho lần truyền ban đầu (**tốc độ truyền dịch tối đa ≤ 20 ml/giờ/vị trí**)
- Tốc độ truyền dịch cho lần truyền thứ hai và thứ ba (**tốc độ truyền dịch tối đa ≤ 35 ml/giờ/vị trí**)
- Tốc độ truyền dịch cho các lần truyền tiếp theo có thể tăng lên dựa trên khả năng dung nạp của bệnh nhân.

High-Flo 26G với dây truyền Precision - Tốc độ truyền dịch trung bình (tối thiểu-tối đa) cho mỗi vị trí (ml/giờ/vị trí)

	F120	F180	F275	F420	F500	F600	F900	F1200	F2400
1 kim	7,8 (4,7-11,0)	9,7 (6,4-13,1)	13,2 (8,4-18,1)	17,3 (10,3-24,4)	18,9 (12,0-25,9)	20,8 (12,8-28,8)	25,5 (15,4-35,6)	27,5 (16,0-38,9)	32,9 (18,9-47,0)
2 kim	4,3 (2,6-6,1)	5,5 (3,7-7,4)	7,9 (5,1-10,7)	11,1 (6,6-15,5)	12,4 (8,1-16,7)	14,0 (8,8-19,2)	18,7 (11,6-25,8)	20,9 (12,3-29,4)	27,9 (16,0-39,8)
3 kim	3,0 (1,8-4,2)	3,9 (2,6-5,1)	5,7 (3,7-7,6)	8,1 (4,9-11,3)	9,2 (6,1-12,3)	10,6 (6,8-14,4)	14,7 (9,3-20,2)	16,8 (10,0-23,6)	24,2 (13,9-34,4)
4 kim	2,3 (1,4-3,2)	3,0 (2,0-3,9)	4,4 (2,9-5,9)	6,4 (3,9-8,9)	7,3 (4,9-9,8)	8,5 (5,5-11,5)	12,2 (7,7-16,6)	14,1 (8,4-19,8)	21,3 (12,3-30,4)
5 kim	1,9 (1,1-2,6)	2,4 (1,6-3,2)	3,6 (2,4-4,8)	5,3 (3,2-7,4)	6,1 (4,1-8,1)	7,1 (4,6-9,6)	10,4 (6,6-14,1)	12,1 (7,2-17,0)	19,1 (11,0-27,2)
6 kim	1,6 (1,0-2,2)	2,0 (1,4-2,7)	3,0 (2,0-4,1)	4,5 (2,7-6,3)	5,2 (3,5-6,9)	6,1 (4,0-8,2)	9,0 (5,8-12,2)	10,6 (6,4-14,9)	17,3 (10,0-24,6)
7 kim tiêm	1,3 (0,8-1,9)	1,8 (1,2-2,3)	2,6 (1,7-3,5)	3,9 (2,4-5,5)	4,6 (3,1-6,0)	5,4 (3,5-7,2)	8,0 (5,2-10,8)	9,5 (5,7-13,2)	15,8 (9,1-22,4)
8 kim tiêm	1,2 (0,7-1,6)	1,5 (1,0-2,0)	2,3 (1,5-3,1)	3,5 (2,1-4,8)	4,0 (2,7-5,3)	4,8 (3,1-6,4)	7,2 (4,7-9,7)	8,5 (5,1-11,9)	14,5 (8,4-20,6)

High-Flo 24G với dây truyền Precision - Tốc độ truyền dịch trung bình (tối thiểu-tối đa) cho mỗi vị trí (ml/giờ/vị trí)

	F120	F180	F275	F420	F500	F600	F900	F1200	F2400
1 kim	9,3 (5,7-12,9)	12,1 (8,2-16)	18 (11,9-24,1)	26,4 (16,2-36,7)	30,5 (20,7-40,2)	35,4 (23,3-47,6)	51,7 (33,9-69,6)	60,3 (37,0-83,6)	94,8 (56,8-132,8)
2 kim	4,8 (2,9-6,6)	6,2 (4,2-8,2)	9,4 (6,2-12,6)	14,2 (8,7-19,7)	16,5 (11,3-21,7)	19,4 (12,8-26,0)	29,7 (19,7-39,8)	35,6 (21,8-49,3)	62,2 (36,9-87,5)
3 kim	3,2 (2,0-4,4)	4,2 (2,9-5,5)	6,4 (4,2-8,5)	9,7 (5,9-13,4)	11,3 (7,8-14,8)	13,4 (8,9-17,9)	20,9 (13,8-27,9)	25,2 (15,4-35,0)	46,3 (27,4-65,3)
4 kim	2,4 (1,5-3,3)	3,2 (2,2-4,2)	4,8 (3,2-6,4)	7,3 (4,5-10,2)	8,6 (5,9-11,3)	10,2 (6,8-13,7)	16,1 (10,7-21,5)	19,5 (11,9-27,1)	36,9 (21,7-52,1)
5 kim	1,9 (1,2-2,7)	2,5 (1,7-3,4)	3,9 (2,6-5,2)	5,9 (3,6-8,2)	6,9 (4,8-9,1)	8,3 (5,5-11,0)	13,1 (8,7-17,5)	15,9 (9,7-22,1)	30,7 (18,0-43,3)
6 kim	1,6 (1,0-2,2)	2,1 (1,4-2,8)	3,2 (2,2-4,3)	5,0 (3,0-6,9)	5,8 (4,0-7,6)	6,9 (4,6-9,3)	11,0 (7,3-14,7)	13,5 (8,2-18,7)	26,2 (15,4-37,1)
7 kim tiêm	1,4 (0,8-1,9)	1,8 (1,2-2,4)	2,8 (1,9-3,7)	4,3 (2,6-5,9)	5,0 (3,5-6,6)	6,0 (4,0-8,0)	9,5 (6,3-12,7)	11,6 (7,1-16,2)	22,9 (13,4-32,4)
8 kim tiêm	1,2 (0,7-1,7)	1,6 (1,1-2,1)	2,4 (1,6-3,3)	3,7 (2,3-5,2)	4,4 (3,0-5,8)	5,2 (3,5-7,0)	8,4 (5,6-11,2)	10,3 (6,3-14,3)	20,3 (11,9-28,8)

Tốc độ truyền dịch được tạo ra bằng cách sử dụng mô hình tốc độ truyền dịch đã được phê chuẩn và được xác minh bằng cách sử dụng một dung dịch có đối chứng tương đương cho độ nhớt của sản phẩm thuốc ở nhiệt độ phòng (20-25°C).

Ống tiêm nạp sẵn Hizentra® 50 ml (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Chất lỏng 20%):

Các bảng sau đây cho biết tốc độ truyền dịch dự đoán trung bình, tối thiểu và tối đa trên mỗi vị trí cho mỗi tổ hợp Bộ kim High-Flo™ SubQ, (26G và 24G) và Dây truyền dịch KORU Precision™ khi được sử dụng với Bơm truyền dịch Freedom60® với một ống tiêm Hizentra 50 ml nạp sẵn để truyền dịch dưới da. Độ chính xác tốc độ truyền dịch của Hệ thống truyền dịch Freedom60 đã được xác minh là $\pm 15\%$ bằng cách sử dụng dung dịch có đối chứng (Chất thay thế PEG 7,4 cP) trong phạm vi nhiệt độ 20-25°C (68-77°F). Việc truyền ngoài phạm vi nhiệt độ này có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch khác với quy định dưới đây.

Khóa bên dưới cho biết tốc độ truyền dịch được đề xuất dựa trên nhãn sản phẩm thuốc. Vui lòng tham khảo nhãn sản phẩm thuốc để biết thông tin chi tiết về tốc độ truyền dịch và thể tích tối đa được khuyến nghị cho mỗi vị trí truyền dịch cho các lần truyền dịch ban đầu và sau đó.

- Tốc độ truyền dịch cho lần truyền ban đầu (tốc độ truyền dịch tối đa ≤ 20 ml/giờ/vị trí)
- Tốc độ truyền dịch cho lần truyền thứ hai và thứ ba (tốc độ truyền dịch tối đa ≤ 35 ml/giờ/vị trí)
- Tốc độ truyền dịch cho các lần truyền tiếp theo có thể tăng lên dựa trên khả năng dung nạp của bệnh nhân.

High-Flo 26G với dây truyền Precision - Tốc độ truyền dịch trung bình (tối thiểu-tối đa) cho mỗi vị trí (ml/giờ/vị trí)

	F120	F180	F275	F420	F500	F600	F900	F1200	F2400
1 kim	6,0 (2,4-9,5)	7,3 (3,2-11,4)	10 (4,2-15,7)	13,2 (5,2-21,2)	14,3 (6-22,5)	15,7 (6,4-25)	19,3 (7,8-30,9)	21,0 (8,1-33,8)	25,2 (9,5-40,9)
2 kim	3,3 (1,3-5,3)	4,1 (1,9-6,4)	6,0 (2,6-9,3)	8,4 (3,3-13,5)	9,3 (4,1-14,5)	10,6 (4,4-16,7)	14,1 (5,8-22,4)	15,9 (6,2-25,6)	21,3 (8,1-34,6)
3 kim	2,3 (0,9-3,6)	2,9 (1,3-4,5)	4,2 (1,9-6,6)	6,2 (2,5-9,9)	6,9 (3,1-10,7)	8,0 (3,4-12,5)	11,1 (4,7-17,5)	12,8 (5-20,5)	18,5 (7-29,9)
4 kim	1,7 (0,7-2,8)	2,2 (1-3,4)	3,3 (1,4-5,1)	4,9 (2-7,8)	5,5 (2,5-8,5)	6,4 (2,8-10)	9,2 (3,9-14,4)	10,7 (4,2-17,2)	16,3 (6,2-26,4)
5 kim	1,4 (0,6-2,2)	1,8 (0,8-2,8)	2,7 (1,2-4,2)	4,0 (1,6-6,4)	4,5 (2,1-7)	5,3 (2,3-8,3)	7,8 (3,3-12,2)	9,2 (3,6-14,8)	14,6 (5,5-23,6)
6 kim	1,2 (0,5-1,9)	1,5 (0,7-2,3)	2,3 (1-3,5)	3,4 (1,4-5,5)	3,9 (1,8-6)	4,6 (2-7,1)	6,8 (2,9-10,6)	8,1 (3,2-12,9)	13,2 (5-21,4)
7 kim tiêm	1,0 (0,4-1,6)	1,3 (0,6-2)	2,0 (0,9-3,1)	3,0 (1,2-4,8)	3,4 (1,6-5,2)	4,0 (1,8-6,3)	6,0 (2,6-9,4)	7,2 (2,9-11,5)	12,0 (4,6-19,5)
8 kim tiêm	0,9 (0,4-1,4)	1,2 (0,5-1,8)	1,7 (0,8-2,7)	2,6 (1,1-4,2)	3,0 (1,4-4,6)	3,6 (1,6-5,6)	5,4 (2,3-8,4)	6,5 (2,6-10,4)	11,1 (4,2-17,9)

High-Flo 24G với dây truyền Precision - Tốc độ truyền dịch trung bình (tối thiểu-tối đa) cho mỗi vị trí (ml/giờ/vị trí)

	F120	F180	F275	F420	F500	F600	F900	F1200	F2400
1 kim	7,0 (2,9-11,2)	9,0 (4,1-13,9)	13,5 (6-20,9)	20,0 (8,2-31,9)	22,7 (10,4-34,9)	26,5 (11,7-41,4)	38,8 (17,1-60,5)	45,7 (18,6-72,7)	72,0 (28,6-115,4)
2 kim	3,6 (1,5-5,7)	4,6 (2,1-7,2)	7,0 (3,1-10,9)	10,7 (4,4-17,1)	12,3 (5,7-18,8)	14,6 (6,5-22,6)	22,3 (9,9-34,6)	26,9 (11-42,9)	47,4 (18,6-76,1)
3 kim	2,4 (1-3,9)	3,1 (1,4-4,8)	4,8 (2,1-7,4)	7,3 (3-11,7)	8,4 (3,9-12,9)	10,0 (4,5-15,6)	15,6 (7-24,3)	19,1 (7,8-30,4)	35,3 (13,8-56,8)
4 kim	1,8 (0,7-2,9)	2,4 (1,1-3,6)	3,6 (1,6-5,6)	5,6 (2,3-8,9)	6,4 (3-9,8)	7,6 (3,4-11,9)	12,0 (5,4-18,7)	14,8 (6-23,6)	28,1 (10,9-45,3)
5 kim	1,5 (0,6-2,3)	1,9 (0,9-2,9)	2,9 (1,3-4,5)	4,5 (1,8-7,1)	5,2 (2,4-7,9)	6,2 (2,8-9,6)	9,8 (4,4-15,2)	12,1 (4,9-19,2)	23,4 (9,1-37,6)
6 kim	1,2 (0,5-1,9)	1,6 (0,7-2,4)	2,4 (1,1-3,8)	3,8 (1,5-6)	4,3 (2-6,6)	5,2 (2,3-8,1)	8,2 (3,7-12,8)	10,2 (4,1-16,2)	20 (7,8-32,2)
7 kim tiêm	1,0 (0,4-1,7)	1,4 (0,6-2,1)	2,1 (0,9-3,2)	3,2 (1,3-5,1)	3,7 (1,7-5,7)	4,5 (2-6,9)	7,1 (3,2-11)	8,8 (3,6-14,1)	17,5 (6,8-28,2)
8 kim tiêm	0,9 (0,4-1,5)	1,2 (0,5-1,8)	1,8 (0,8-2,8)	2,8 (1,2-4,5)	3,3 (1,5-5)	3,9 (1,8-6,1)	6,3 (2,8-9,7)	7,8 (3,2-12,4)	15,5 (6-25)

Tốc độ truyền dịch được tạo ra bằng cách sử dụng mô hình tốc độ truyền dịch đã được phê chuẩn và được xác minh bằng cách sử dụng một dung dịch có đối chứng tương đương cho độ nhớt của sản phẩm thuốc ở nhiệt độ phòng (20-25°C).

Xembify® (Globulin miễn dịch dưới da (ở người), Chất lỏng 20%):

Các bảng sau đây cho biết tốc độ truyền dịch dự đoán trung bình, tối thiểu và tối đa trên mỗi cơ sở với Bộ kim High-Flo™ SubQ, (26G và 24G) khi được sử dụng kết hợp với Dây truyền dịch KORU Precision™ và Hệ thống truyền dịch FREEDOM60® với một ống tiêm 50 ml để sử dụng dưới da Xembify. Độ chính xác tốc độ truyền dịch của Hệ thống truyền dịch Freedom60 đã được xác minh là $\pm 15\%$ bằng cách sử dụng dung dịch có đối chứng (Chất thay thế PEG 7,4 cP) trong phạm vi nhiệt độ 20-25°C (68-77°F). Việc truyền ngoài phạm vi nhiệt độ này có thể dẫn đến tốc độ truyền dịch khác với quy định dưới đây.

Khóa bên dưới cho biết tốc độ truyền dịch được đề xuất dựa trên nhãn sản phẩm thuốc. Vui lòng tham khảo nhãn sản phẩm thuốc để biết thông tin chi tiết về tốc độ truyền dịch và thể tích tối đa được khuyến nghị cho mỗi vị trí truyền dịch cho các lần truyền dịch ban đầu và sau đó.

- Tốc độ truyền dịch cho lần truyền ban đầu (≤ 10 ml/giờ/vị trí)
- Trẻ em: Tốc độ truyền dịch cho hai lần truyền đầu tiên (≤ 20 ml/giờ/vị trí)
- Người lớn: Tốc độ truyền dịch cho hai lần truyền đầu tiên (≤ 25 ml/giờ/vị trí)
- Tốc độ truyền dịch cho các lần truyền tiếp theo (≤ 35 ml/giờ/vị trí)

High-Flo 26G với dây truyền Precision - Tốc độ truyền dịch trung bình (tối thiểu-tối đa) cho mỗi vị trí (ml/giờ/vị trí)

	F120	F180	F275	F420	F500	F600	F900	F1200	F2400
1 kim	6,6 (3,7-9,4)	8,1 (5,0-11,2)	11,2 (6,9-15,5)	14,8 (8,7-20,9)	16,3 (10,4-22,2)	18,0 (11,3-24,7)	22,5 (14,3-30,6)	24,3 (15,0-33,5)	29,6 (18,6-40,5)
2 kim	3,6 (2,0-5,2)	4,6 (2,8-6,3)	6,6 (4,0-9,2)	9,3 (5,3-13,3)	10,5 (6,6-14,3)	11,9 (7,3-16,4)	16,1 (10,0-22,1)	18,0 (10,8-25,2)	24,6 (15,0-34,2)
3 kim	2,5 (1,4-3,6)	3,2 (1,9-4,4)	4,7 (2,8-6,5)	6,8 (3,8-9,7)	7,7 (4,8-10,5)	8,9 (5,4-12,3)	12,5 (7,7-17,3)	14,3 (8,4-20,2)	21,1 (12,5-29,6)
4 kim	1,9 (1,0-2,7)	2,5 (1,5-3,4)	3,7 (2,2-5,1)	5,3 (3,0-7,6)	6,1 (3,8-8,4)	7,1 (4,3-9,8)	10,3 (6,3-14,2)	11,9 (6,9-16,9)	18,5 (10,8-26,1)
5 kim	1,5 (0,8-2,2)	2,0 (1,2-2,7)	3,0 (1,8-4,1)	4,4 (2,4-6,3)	5,0 (3,1-6,9)	5,9 (3,5-8,2)	8,7 (5,3-12,1)	10,2 (5,9-14,5)	16,4 (9,4-23,3)
6 kim	1,3 (0,7-1,9)	1,7 (1,0-2,3)	2,5 (1,5-3,5)	3,8 (2,1-5,4)	4,3 (2,7-5,9)	5,0 (3,0-7,0)	7,6 (4,6-10,5)	8,9 (5,1-12,7)	14,8 (8,4-21,1)

High-Flo 24G với dây truyền Precision - Tốc độ truyền dịch trung bình (tối thiểu-tối đa) cho mỗi vị trí (ml/giờ/vị trí)

	F120	F180	F275	F420	F500	F600	F900	F1200	F2400
1 kim	7,6 (4,2-11,0)	9,8 (6-13,6)	14,7 (8,8-20,5)	21,8 (12,1-31,4)	25,0 (15,6-34,3)	29,2 (17,6-40,7)	42,9 (26,2-59,6)	50,2 (29,0-71,4)	80,2 (46,4-113,9)
2 kim	3,9 (2,1-5,6)	5,1 (3,1-7,0)	7,7 (4,6-10,7)	11,6 (6,4-16,8)	13,5 (8,4-18,5)	15,9 (9,5-22,2)	24,5 (14,8-34,1)	29,3 (16,5-42,1)	52,0 (28,9-75,0)
3 kim	2,6 (1,4-3,8)	3,4 (2,1-4,7)	5,2 (3,1-7,3)	7,9 (4,3-11,5)	9,2 (5,7-12,7)	10,9 (6,5-15,3)	17,1 (10,3-23,8)	20,7 (11,6-29,8)	38,5 (21,0-55,9)
4 kim	2,0 (1,1-2,9)	2,6 (1,6-3,6)	3,9 (2,3-5,5)	6,0 (3,3-8,7)	7,0 (4,3-9,6)	8,4 (5,0-11,7)	13,1 (7,9-18,3)	16,0 (8,9-23,1)	30,5 (16,5-44,5)
5 kim	1,6 (0,9-2,3)	2,1 (1,3-2,9)	3,2 (1,9-4,4)	4,8 (2,6-7,0)	5,7 (3,5-7,8)	6,7 (4,0-9,4)	10,7 (6,4-14,9)	13,0 (7,2-18,8)	25,3 (13,5-37,0)
6 kim	1,3 (0,7-1,9)	1,7 (1,0-2,4)	2,7 (1,6-3,7)	4,1 (2,2-5,9)	4,7 (2,9-6,5)	5,7 (3,4-7,9)	9,0 (5,4-12,6)	11,0 (6,1-15,9)	21,6 (11,5-31,7)

Tốc độ truyền dịch được tạo ra bằng cách sử dụng mô hình tốc độ truyền dịch đã được phê chuẩn và được xác minh bằng cách sử dụng một dung dịch có đối chứng tương đương cho độ nhớt của sản phẩm thuốc ở nhiệt độ phòng (20-25°C).

ĐỊNH NGHĨA CÁC KÝ HIỆU

	Số danh mục		Tham khảo IFU trước khi sử dụng. IFU có sẵn dưới dạng điện tử tại vị trí được chỉ định.
	Nhà sản xuất		Chỉ sử dụng theo đơn
	Đại diện được ủy quyền tại Cộng đồng châu Âu		Thiết bị không an toàn để sử dụng trong môi trường bức xạ từ
	Đại diện Thụy Sĩ		Không tái sử dụng
	Người chịu trách nhiệm tại Vương quốc Anh		Không tiệt trùng lại
	Số lô		Mặt hàng là thiết bị y tế
	Số sê-ri		Hệ thống đóng gói bằng màng chắn vô trùng đơn
	Nhận dạng thiết bị duy nhất (GTIN)		Không sử dụng nếu bao bì bị hư hỏng
	Ngày hết hạn		Nhãn CE Mã số tổ chức được chỉ định (BSI NL: 2797)
	Ngày sản xuất		Không được sản xuất bằng cao su/cao su tự nhiên
	Phạm vi nhiệt độ mà thiết bị có thể tiếp xúc		Nhà nhập khẩu
	Phạm vi độ ẩm mà thiết bị có thể tiếp xúc		Cần thận trọng khi sử dụng thiết bị. Tham khảo IFU
	Tiệt trùng bằng bức xạ gamma		

Để biết thông tin bảo hành, vui lòng truy cập www.korumedical.com/warranty và liên hệ với nhà phân phối tại địa phương của quý vị.



1-800-624-9600 | korumedical.com | [@korumedical](https://twitter.com/korumedical)



KORU Medical Systems, Inc.
100 Corporate Drive, Mahwah,
NJ 07430 USA.
+1 (845) 469 2042
800-624-9600
korumedical.com



ICON (LR) Limited
South County Business Park,
Leopardstown, Dublin 18,
D18 X5R3, Ireland



MedEnvoy Switzerland
Gotthardstrasse 28
6302 Zug
Switzerland



MedEnvoy
Prinses Margrietplantsoen 33
Suite 123
2595 AM The Hague
The Netherlands



MedEnvoy Switzerland
Gotthardstrasse 28
6302 Zug
Switzerland

Hệ thống truyền dịch ống tiêm Freedom60®, Dây truyền dịch Precision™, Bộ điều khiển tốc độ truyền dịch Precision™ và Bộ kim High-Flo™ SubQ là các nhãn hiệu thương mại của KORU Medical Systems, Inc. Tất cả các nhãn hiệu khác là tài sản của chủ sở hữu tương ứng. ©2025 KORU Medical Systems, Inc.; Bảo lưu mọi quyền.